

Biên soạn, dịch và hiệu đính bởi  
Gyalten Jigdre, biên tập-kiểm-dịch giả (Cao cấp) của Nhóm Thông Dịch Gyalten  
prepared, translated and edited by  
Gyalten Jigdre, (Senior) editor-cum-translator  
the Gyalten Translation Group



ཨྱ། བསོ འང་གི་ཆོ་བ།

གཅིག་པ་ དངལ་ མོ་ ལྷགས་ གྱི་ སྒྲུབ་ ཐངས་ རྒྱུད་ བར་ གནས་ བའི་ ཆོ་ག་ དང་ བཅས་ པ་ བན་ བདེ ི་ རྣང་བ་ གསར་ དངོས་ ཞེས་ བྱ་བ་ བཞགས་ མོ།.

Các hình ảnh được sao chép với sự cho phép rõ ràng từ bộ sưu tập riêng của các thành viên cấu thành của Nhóm Thông Dịch Gyalten, cũng như từ các nguồn không xác định được đánh dấu rõ ràng là "sử dụng hợp pháp" hoặc "giấy phép miễn phí".

The *Sojong*-practice of temporarily abiding in the eight Mahāyāna vows has been extracted from the inceptive segments of the *Nyungnä* practice text composed by His Holiness, the Seventh Dalai Lama, Kälzang Gyatso, entitled: “The *Nyungnä* ritual in the Tradition of (Bhikṣunī) Lakṣmī, the means Means of Accomplishing the Eleven-Faced Great Compassionate One, Avalokiteśvara ...”. It has been furnished with material interpolated from the King of Aspiration-Prayers and the Jorchö practice. The Tibetan version of the text has been gracefully provided by the TBRC and, according to the listing on the website, does not fall under any type of copyright restriction. The title of the text in the original Tibetan is ཨཱ། དཔག་ཅན་གྲུགས་ཀྱི་ཆོད་པོ་ཙམ་བཟུང་གི་ཕལ་པ་རྒྱལ་ཁྱིམ་ཐམས་ཀྱི་ལྷ་པ་མཚན་པ་གནས་པ་འཇཉག་པ་ཤར་བའི་ལྷ་པ་གསལ་བའོ།།

Email đến chúng tôi, Write to us at [info@awakeningvajrainternational.org](mailto:info@awakeningvajrainternational.org), Hoan hỷ viếng chúng tôi tiếng Anh Việt Hoa Indonesia ở Visit us online under [www.awakeningvajrainternational.org](http://www.awakeningvajrainternational.org)(for western languages) và Tiếng Tang [www.chodenrinpoche.com](http://www.chodenrinpoche.com)

**Lama Gaun Tashi Raptan Monastery**  
Pharping, Dakshinkali-11, Kathmandu, Nepal





*Vui lòng lưu ý rằng KHÔNG có giới hạn nào đối với những người được phép xem và thực hành các tài liệu được trình bày ở đây.*



*lời nhắc nhở nhẹ nhàng:*

*Sách Phật pháp, sổ ghi chép và các tài liệu đọc khác nên được cất giữ ở nơi sạch sẽ. Không được ngồi lên, đạp lên hoặc bước ngang, hoặc đặt trực tiếp trên sàn nhà. Có thể bọc vải xung quanh những cuốn sách này khi di chuyển hoặc cất giữ chúng và có thể dùng mâm hay vải lót trên mặt bàn khi đặt những cuốn sách này xuống. Sẽ rất hữu ích nếu bạn đặt sách càng gọn càng tốt gần chỗ ngồi của bạn để người khác có thể dễ dàng đi qua. Ngoài ra, không nên mang giấy có ghi Pháp vào nhà tắm hoặc vứt ở những nơi ô uế. Để xử lý, chúng có thể được đốt hoặc bỏ vào các thùng chứa đặc biệt có sẵn cho mục đích đó.*

*Kindly note that there are no restrictions as to who is permitted to view and practice the material presented herein.*

*gentle reminder:*

Dharma books, notebooks, and other reading material should be kept in a clean place. They should not be sat upon, stepped over or on, or placed directly on the floor. A cloth covering can be wrapped around these books when carrying or storing them and can be spread on the ground when these books are placed down. It will be helpful to place your books as compactly as possible near your seat to allow others to walk by easily. In addition, paper with Dharma notes on it should not be taken into the bathroom or discarded in unclean places. For disposal, they can be burned or put in special receptacles available for that purpose.





H.E. Kyabje Chöden Rinpoche

Con khấn cầu dưới chân kim cương như sen trong  
Thân của Thượng-sư quý như châu báu,  
Nhờ từ ái của Thượng-sư mà đại hỷ  
Bình minh lên chỉ trong chốc lát.

I make supplications at the adamantine, lotus-like feet [of]  
The body of the Lama, precious like a jewel,  
By whose kindness great bliss  
Dawns in a mere instant.





## Khen Rinpoche Geshe Gyalten

*“Sách cầu nguyện là sự gia trì của Guru Thượng-sư đánh thức hạt nhân của Phật-tánh trong chúng ta, làm cho [Phật-tánh] trở.*

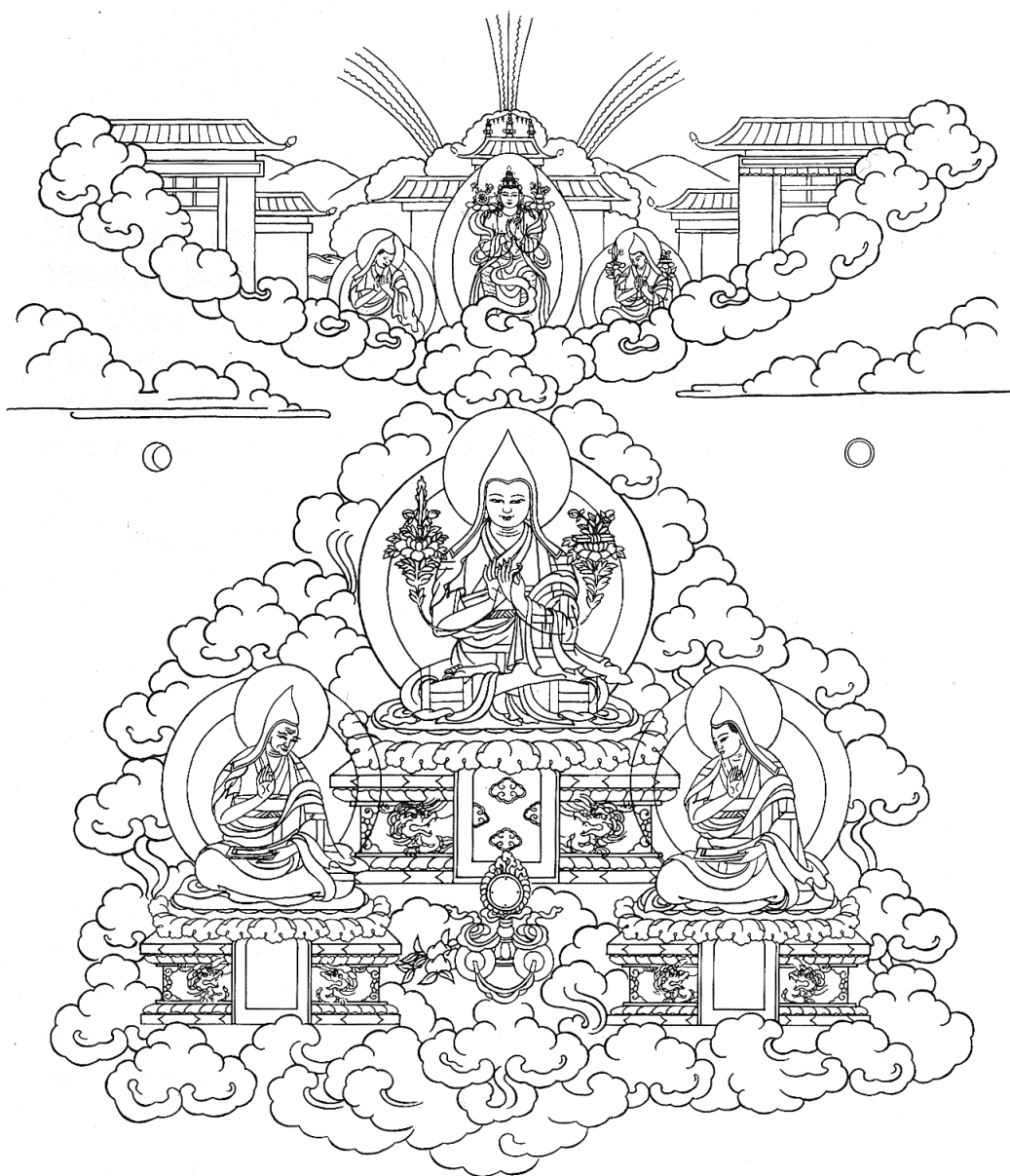
*Sách là hoạt-động giác ngộ của Đức Phật hỗ trợ cho mầm đó trở thành cái cây mãnh lực.*

*Sách là tinh túy của Pháp cung cấp mái che bằng cây hạnh-phúc và bình-an bên trong.*

*Sách là sự trợ giúp của Tăng đoàn khuyến-khích chúng ta vói hái và nếm trái từ cây đó.*

*Vì tất cả những lý do này, chúng ta nên trân quý và kính trọng sách cầu nguyện.”*

*“A prayer book is the blessing of the Guru that awakens the seed of Buddha-nature within us, causing it to sprout. It is the enlightened activity of the Buddha that aids the growth of that sprout into a mighty tree. It is the essence of Dharma that provides shelter as the mighty tree of happiness and peace within. It is the support of the Sangha that encourages us to reach for and taste the fruits of that tree. For all these reasons, we should appreciate, treasure, and respect a prayer book.”*



Đức Jé Tsongkhapa  
và hai con tinh-thần của ngài  
đang an trụ tại cõi  
Cực-lạc của Phật Maitreya Di Lạc

Jé Tsongkhapa and his two spiritual sons  
as they abide in the Pureland of Maitreya



# 1 Thông-báo của Văn Phòng Kim Cang Tỉnh Giác Quốc Tế, Preliminary note from the AVI Office

Khen Rinpoche Geshe Gyalten đã yêu cầu tất cả các học viên của ngài thực hành tinh tấn trong lễ kỷ niệm Saka Dawa Düchen (12 tháng 5 - 10 tháng 6) kéo dài một tháng để tưởng nhớ ngày sinh, giác ngộ và Đức Phật Thích Ca nhập *đại-bát-niết-bàn paranirvāṇa*.

Công đức tạo ra khi thực hành trong giai đoạn này, sẽ được nhân lên hàng trăm nghìn lần. Tất cả các hành giả Phật giáo nên nỗ lực thực hành Pháp, bổ-thí quảng đại với chủ ý Bồ-tát, và từ bi trùm khắp. Nếu bạn có thể, hãy thực hiện các phương pháp được liệt kê dưới đây ít nhất một lần mỗi ngày. Nói chung, hãy ý thức và gia tăng các hành động đức hạnh của bạn về thân, khẩu và ý, và đặc biệt là giữ gìn và thực hành Bát quan trai Đại-thừa. Ngày quan trọng nhất của lễ kỷ niệm này là ngày 26 tháng 5 năm 2021. Xin hãy nỗ lực tập luyện hết lòng trong suốt tháng, lý tưởng nhất là hàng ngày, và đặc biệt nhiệt thành vào ngày 26. Các thực hành được khuyến cho tháng này là:

1. Pháp môn Sojong thọ tám giới tạm thời (Bát Quan Trai)
2. Thiền và tụng “Tán Thán Đức Phật Thích Ca Mâu Ni”
3. Niệm và Suy ngẫm về Kinh Trí huệ Toàn Hảo Bát-nhã Tâm Kinh
4. Tụng và Suy ngẫm về Kinh Kim Cương Năng Đoạn
5. Cầu nguyện trường thọ cho Khen Rinpoche Geshe Gyalten
6. Nguyện-ước tốt lành cho H. E. Chöden Rinpoche Tenzin Gyalten
7. Hồi hướng cho phúc lợi của tất cả chúng sinh

Cầu mong công đức và đức-hạnh gia tăng! May merit and virtue increase! 15 tháng 5, 2021

Khen Rinpoche Geshe Gyalten has requested that all his students practice diligently during the Saka Dawa Düchen month-long celebration (May 12th - June 10th) in memory of Buddha Śākyamuni's birth, enlightenment and paranirvāṇa. The merits of one's practices, during this period, will be multiplied a hundred thousand times. All Buddhist practitioners should make great effort in practicing Dharma, Bodhisattva intentional generosity, and all-encompassing compassion. If you can, do the practices listed below at least once per day. In general, be aware of and increase your virtuous actions in body, speech and mind, and in particular observe and practice the Eight Mahāyāna Precepts. The most important day of this celebration is May 26th 2021. Please make a concerted effort to practice wholeheartedly throughout the month, ideally on a daily basis, and especially fervently on the 26th. The practices advised for this month are:

1. The Sojong practice of temporarily abiding in the Eight Mahāyāna-Precepts
2. The Meditation and Recitation of Praises to Buddha Śākyamuni
3. Reciting and Reflecting on the Heart Sūtra
4. Reciting and Reflecting on the Diamond Cutter Sutra
5. Reciting the Long Life Prayer for Khen Rinpoche Geshe Gyalten
6. Auspicious Wishes for H. E. Chöden Rinpoche Tenzin Gyalten
7. Dedication to the Welfare of All Sentient Beings

May merit and virtue increase! May 15th, 2021





# Mục lục, Contents

## Table of Contents

|          |                                                                                                                                                              |           |
|----------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>1</b> | <b>Thông-báo của Văn Phòng Kim Cang Tỉnh Giác Quốc Tế, Preliminary note from the AVI Office</b>                                                              | <b>7</b>  |
| <b>2</b> | <b>Nghi Thức Thọ Giới Bát Quan Trai Đại Thừa - The Ritual For Taking The Eight Mahāyāna Precepts</b>                                                         | <b>9</b>  |
| <b>3</b> | <b>Ghi Chú Tóm Tắt Về Cách Thực Hành, Brief notes on the practice</b>                                                                                        | <b>15</b> |
| <b>4</b> | <b>Thiền Ca Tán Dương Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Meditative Recitation of the Praises to Buddha Śākyamuni</b>                                                 | <b>18</b> |
| 4.1      | Tán Dương Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bản ngắn, Short Praise to Śākyamuni Buddha                                                                                | 19        |
| 4.2      | Minh Chú Ca dâng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Mantra Incantation of Śākyamuni Buddha                                                                            | 20        |
| <b>5</b> | <b>Trí Huệ Toàn Hảo Bát Nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, the Heart of the Perfection of Wisdom Sūtra</b>                                                           | <b>20</b> |
| <b>6</b> | <b>Tụng Niệm Kinh Kim Cương Năng Đoạn, Recitation of the Diamond-Cutter Sūtra</b>                                                                            | <b>23</b> |
|          | QUY Y Refuge .....                                                                                                                                           | 25        |
|          | PHÁT BỒ ĐỀ TÂM Bodhicitta Prayer .....                                                                                                                       | 26        |
|          | TỨ VÔ LƯỢNG TÂM, Four Immeasurables .....                                                                                                                    | 26        |
|          | Kinh KIM CƯƠNG của TRÍ-HUỆ TOÀN HẢO .....                                                                                                                    | 27        |
| <b>7</b> | <b>CẦU NGUYỆN KHEN RINPOCHE GESHE GYALTEN KUNGHA TRƯỜNG THỌ Long Life Prayer To Khen Rinpoche Geshe Gyalten</b>                                              | <b>59</b> |
| <b>8</b> | <b>Nguyện Ước Cát Tường cho H.E. Chöden Rinpoche Tenzin Gyalten, Aspirations for H.E. Chöden Rinpoche Tenzin Gyalten</b>                                     | <b>62</b> |
| <b>9</b> | <b>Hồi Hướng Cuối Cùng, Final dedication prayers</b>                                                                                                         | <b>63</b> |
| 9.1      | Hồi Hướng Chung Xiển Dương Phật Pháp Và Tất Cả Chúng Sinh Thịnh-Vượng, General dedication for the flourishing of the Dharma and the well-being of all beings | 63        |
| 9.2      | Hồi Hướng Sâu Rộng theo Các Giai Trình của Đường Tu Giác Ngộ Extensive Lamrim Dedication Prayer                                                              | 63        |
| 9.3      | Kệ Cát Tường, Verses of Auspiciousness                                                                                                                       | 65        |
| 9.4      | Migtsema-prayer                                                                                                                                              | 65        |







## 2 Nghi Thức Thọ Giới Bát Quan Trai Đại Thừa - The Ritual For Taking The Eight Mahāyāna Precepts

**Quy Y Đạo Sư Là Hiện Thân Của Mọi Đối Tượng Quy Y, Going for refuge in one's Guru as the Embodiment of all objects of refuge**

Đạo sư là Đức Phật, Đạo sư là Pháp;  
Cũng thế, Đạo sư là Tăng đoàn.  
Đạo sư là vị tạo nên mọi đức hạnh giải thoát  
Con quy y các Đạo sư. (3x)

The Guru is the Buddha, the Guru is the Dharma;  
Likewise, the Guru is the Saṅgha.  
The Guru is the creator of all [liberating qualities]  
I go for refuge to the Gurus. (3x)

**Phát Sinh Bồ-Đề-Tâm, Generating Bodhicitta**

Để thành đạt mục tiêu của con cũng như của người khác  
Con phát khởi Bồ-đề-tâm. (3x)  
In order to achieve my own, as well as others' aims,  
I generate the mind of Bodhicitta.

**Thanh Tịnh Địa Điểm Purifying the Location**

Nguyện cho nền đất mọi nơi trở thành nơi thanh tịnh,  
Không bị sỏi và những vật không thích nghi,  
Bằng phẳng như lòng bàn tay,  
Trơn và bản chất lưu ly.

May the ground everywhere become a pure place,  
Free of gravel and other such [undesirable objects],  
Even as the palm of the hand,  
Smooth and in the nature of lapis lazuli.

**Tụng Minh-chú Mây-Cúng-Dường, Intoning the offering-Cloud Mantra**

OM NAMO BHAGAVATE/ VAJRASĀRA-PRAMARDANE/  
TATHĀGATĀYA/ ARHATE SAMYAK-SAMBUDDHĀYA /  
TADYATHĀ / OM VAJRE VAJRE / MAHĀVAJRE /  
MAHĀ-TEJAVAJRE / MAHĀ-VIDYĀ-VAJRE /  
MAHĀ-BODHICITTA-VAJRE / MAHĀ-BODHI-  
MAṆḌOPASAMKRAMAṆA-VAJRE /  
SARVA-KARMĀVARAṆA-VIŚODHANA-VAJRE SVĀHĀ (3x)





## Thỉnh Lực Xác Thực, Invoking the Power of Authenticity

### VA-KARMĀVARAṆA-VIŚODHANA-VAJRE SVĀHĀ (3x)

Bởi vì Tam Bảo xác thực,  
Qua lực gia-trì bởi tất cả chư Phật và chư Bồ-tát,  
Nhờ sức mãnh liệt của hai bộ [công đức và trí huệ] đã tích lũy đầy đủ,  
Qua sức mạnh của Pháp Tột Đỉnh Dharmadhātu không thể nghĩ bàn, hoàn toàn thanh tịnh,  
Nguyện cho tất cả phẩm vật cúng dường trở thành như-tánh (suchness).

By virtue of the authenticity of the Three Jewels,  
By force of the blessings of all Buddhas and Bodhisattvas,  
Owing to the great might of the fully assembled two collections [of merit and wisdom],  
By strength of the inconceivable, perfectly pure Dharmadhātu, May all offerings become suchness.

### Thỉnh Đạo Sư - Inviting the Guru

Đấng Bảo hộ của tất cả chúng sinh không ngoại trừ ai,  
Đấng thiêng liêng, không ngừng bình-định các lực lượng quỷ māras,  
Thượng Sư biết hoàn toàn mọi sự vật không sót gì,  
Cung thỉnh Đức Thế-Tôn đến đây cùng tùy tùng.

Protector of all beings without exception,  
Divine, ceaseless pacifier of the forces of the hordes of māras,  
You, who perfectly knows all things bar none,  
Bhagavan, please come here, together with your retinue.

### Cầu Nguyện Bảy Điểm, Prayer In Seven Points

Con thành kính lạy với ba cửa của con [thân, ngữ và ý],  
Con dâng những mây phẩm vật cúng dường, thật sự chung bày và kết bằng tư tưởng  
Con xưng thú tất cả hoạt-động làm hại đã được tích lũy từ xưa không còn nhớ  
Con hoan hỷ công đức của chúng sinh siêu-việt và thông-thường  
Con thỉnh Phật ở lại ổn-định đến khi cõi ta-bà tận diệt  
Và chuyển pháp luân cho chúng sinh di-cư.  
Con hồi hướng những đức hạnh của con và người khác đến đại giác ngộ.

### Dâng Maṇḍala Bản Sâu Rộng - Extensive Maṇḍala-Offering

OM VAJRA-BHUMI AH HUM Nền tảng bằng vàng rất mạnh mẽ.  
OM VAJRA- REKHE ĀḤ HŪM — được bao quanh bởi chu vi núi sắt, ở trung tâm của nền  
tảng là Meru, vua của các núi, [lục địa] Videha ở phía đông [bên trong], ở phía nam [bên  
trong] là Jambudvīpa, ở phía tây [bên trong] là Aparagodanīya, ở phía bắc [bên trong] là  
Uttarakuru, [hai bên có phụ-lục-địa] Deha và Videha [ở phía đông], Camara và  
Aparacāmara [ở phía nam], Sāthā và Uttaramantriṇa [ở phía tây], và Kurava và Kaurava  
[ở phía Bắc].

[Trên Bốn đại-lục-địa] là núi quý [ở phía đông], cây toại-nguyện [ở phía nam], bò ban-ước  
[ở phía tây], mùa màng phát triển không cần trồng trọt [ở phía Bắc]. Bánh xe quý, châu  
ngọc quý, hoàng hậu quý giá, bộ-trưởng quý, voi quý, ngựa quý, tướng lãnh quý và bình  
châu báu [đều ở tầng thứ nhất].  
Nữ-thần duyên-dáng, nữ-thần vòng hoa, nữ-thần ca, nữ-thần vũ, nữ-thần hoa, nữ-thần  
hương trầm, nữ-thần đèn [lễ vật], và nữ-thần nước hoa [là tám vị nữ thần cúng dường  
đứng trên tầng thứ hai].





[Ở tầng thứ ba] là mặt trời và mặt trăng, dù che quý, và các cò chiến thắng trên mọi phương diện. Ở trung tâm là những phú quý chọn lọc nhất của thần và người, không thiếu gì cả, thanh tịnh và thu hút.

Những điều này con xin dâng lên [guru] gốc ân-sủng, trân quý và những đạo sư của dòng truyền thừa thánh thiện, vinh quang, xuất sắc - và đặc biệt là dâng đến guru [Jé Tsongkhapa], Chúa Tể của các bậc hiền-trí Đức Losang, Đức Kim Cang Trì Vajradhara vĩ đại, cùng với các tôn Phật tùy tùng của Phật, như [dâng] một cõi thanh tịnh. Bằng sức mạnh của lòng từ bi của Phật, xin nhận các lễ vật vì lợi ích của những người di cư. Hơn nữa, sau khi đã chấp nhận các lễ vật, từ tình yêu thương triu mến của chư Phật, xin hãy ban cho con và tất cả chúng sanh di cư tràn ngập không gian, chúng sanh đã từng là mẹ con, phước lành của chư Phật.

## **IDAM GURU-RATNA MAṆḌALAKAṂ NIRYĀTAYĀMI<sup>1</sup>**

### **Dâng hiến Maṇḍala bản ngắn**

Con dâng đất này, được rưới nước hoa, và được rải nhiều hoa,  
Trang trí với núi Meru, Bốn địa châu, mặt trời và mặt trăng, con tưởng tượng là cõi Phật.  
Nguyện nhờ đó tất cả chúng sanh di cư đến hưởng thụ cõi thanh khiết!

## **IDAM GURU-RATNA MAṆḌALAKAṂ NIRYĀTAYĀMI**

### **Lễ Lạy Trong Khi Ngâm Hát Tụng Minh-Chú Lễ Lạy**

**OM NAMO MAÑJUŚRIYE, NAMAḤ SUŚRIYE, NAMA UTTAMA-ŚRIYE SVĀHĀ**

(3x)

### **Extensive Mandala Offering**

OM VAJRA-BHŪMI ĀḤ HŪM—the greatly powerful foundation of gold.

OM VAJRA- REKHE ĀḤ HŪM—encircled on the outside by a perimeter of iron mountains, at its center are Meru, the King of mountains, [the continent] Videha in the [inner] east, in the [inner] south is Jambudvīpa, in the [inner] west is Aparagodānīya, in the north, Uttarakuru, [flanked by the sub-continents of] Deha and Videha [in the east], Cāmarā and Aparacāmarā [in the south], Sāthā and Uttaramantriṇa [in the west], and Kurava and Kaurava [in the north]. [On the four great continents] are the precious mountain [in the east], the wish-fulfilling tree [in the south], the wish-granting cow [in the west], the crops that grows without cultivation [in the north]. The precious wheel, the precious jewel, the precious queen, the precious minister, the precious elephant, the precious horse, the precious general, and the vase of great treasure [are situated on the first tier]. The lady of grace, the lady of garlands, the lady of song, the lady of dance, the lady of flowers, the lady of incense, the lady of light [offerings], and the lady of perfume [are the eight offering goddesses standing on the second tier]. [On the third tier] is the sun and the moon, the precious parasol, and the banner [signifying] victory in all quarters. In the center are the choicest riches of deities and humans, wanting in nothing, pure and enticing. These I offer to the gracious, precious root [guru] and the holy, glorious, excellent lineage gurus—and specifically to guru [Jé Tsongkhapa], Losang Lord of Sages, great Vajradhara, together with your divine entourage, as a pure realm. By strength of your compassion, please accept them for the sake of migrators. Furthermore, having accepted them, out of your affectionate love, please grant me and all migrators pervading the extent of space, who have been my mothers, your blessing.

## **IDAM GURU-RATNA MAṆḌALAKAṂ NIRYĀTAYĀMI**

### **Brief Maṇḍala-Offering**

I offer this ground, anointed with perfume, and strewn with flowers, Adorned with Mount Meru, the four continents, the sun and the moon, Conceiving of it as a Buddha-field.

May thereby all migrators come to enjoy a pure realm!

[IDAM GURU-RATNA MAṆḌALAKAṂ NIRYĀTAYĀMI]





## Thọ Bát Quan Trai Đại thừa

Bạch tất cả chư Phật, chư Bồ tát trụ ở mười phương, xin hãy chú tâm đến con; [cách khác, nếu có mặt của Đạo sư, xin vui lòng cho con sự chú ý của đạo sư].

Giống các Như Lai, A-la-hán, chư Phật trước đây đã hoàn thiện đầy đủ, giống như con ngựa khôn ngoan thần thánh, và con voi lớn<sup>2</sup>, thực hiện những gì cần được thực hiện, hoạt động [lành mạnh], bỏ sang một bên những gánh nặng [của năm uẩn ô-nhiễm], từ đó đạt được mục đích của riêng các ngài, hoàn toàn hủy diệt các xiềng-xích của sự hiện-hữu trong [luân hồi], đã có ngữ hoàn hảo, và những tri-thức triệt để tự do tận-tường và trí huệ tuyệt diệu không vết lỗi, [các ngài] vì tất cả chúng sinh, để mang phúc lợi, để thực hiện sự giải thoát, để loại bỏ nạn đói, để diệt trừ bệnh tật, để hoàn thành ba mươi bảy thực hành thuận lợi để giác ngộ, để không nghi ngờ mà nhận thức, giác ngộ vô thượng toàn hảo, đã hoàn tất không sai phạm [thực hành giữ] [tám giới tạm thời] Sojong [thọ giới]; tương tự như vậy, con, được gọi là [hãy nói tên bạn], từ nay cho đến ngày mai, vì tất cả chúng sinh, để mang phúc lợi, để thực hiện sự giải thoát, để loại bỏ nạn đói, để diệt trừ bệnh tật, để hoàn thành ba mươi bảy thực hành thuận lợi để giác ngộ, để không nghi ngờ mà nhận thức, giác-ngộ vô-thượng toàn-hảo, sẽ hoàn tất không sai phạm [thực hành giữ] [tám giới tạm thời] Sojong [thọ giới] vì tất cả chúng sinh, để mang lại lợi ích, để thực hiện giải thoát, để loại bỏ nạn đói, để diệt trừ bệnh tật, để hoàn thành ba mươi bảy thực hành thuận lợi cho giác ngộ, để không nghi ngờ mà nhận thức giác ngộ vô thượng, toàn hảo, sẽ hoàn thành không sai sót [thực hành giữ tám giới luật tạm thời] Sojong [thọ giới]. (3x)

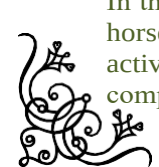
[Nếu có mặt thì] đạo sư sẽ nói "thab Yin no" ("đây là phương pháp"), đáp lại hãy nói "leg-sô" ('xuất sắc'). Sau khi trì tụng xong lần thứ ba, hãy nghĩ rằng quý vị đã nhận được [tám lời thề tạm thời] Sojong [thọ giới] trong dòng tâm thức của quý vị dưới dạng ánh sáng và hãy hoan hỷ. Sau đó phục-hồi năng lực Bồ-đề-tâm của mình, nguyện vọng vị-tha để đạt giác-ngộ vì lợi ích của tất cả chúng sinh bằng cách suy nghĩ:

“Giống như các vị A-la-hán trong quá khứ đã từ bỏ tất cả những hành động tiêu cực của cơ thể, ngữ, và tri thức, chẳng hạn như lấy mạng sống của người khác, con cũng phải làm như vậy, cho lợi ích của tất cả những người di cư, từ bỏ những hành động tiêu cực trong một ngày và cống hiến bản thân mình để thực hành huấn-luyện tinh-khiết.

## Taking the Eight Mahāyāna-Precepts

All you Buddhas and Bodhisattvas abiding in the ten directions, please grant me your attention; [alternatively, if present:] teacher, please grant me your attention—

In the same way as the previous tathāgatas, Arhats, fully perfected Buddhas, who, like the divine, sagacious horse, and the great elephant<sup>2</sup>, accomplished what needed to be accomplished, undertook [wholesome] activity, cast aside the burden [of the five contaminated aggregates], thereupon achieved their own aims, completely extirpated the fetters to [samsāric] existence, had impeccable speech, utterly thoroughly liberated







minds and magnificently stainless wisdom, [who] for the sake of all beings, in order to bring benefit, in order to effect liberation, in order to eliminate famine, in order to eradicate sickness, in order to accomplish the thirty-seven practices conducive to enlightenment, in order to doubtlessly realize unsurpassed, perfect enlightenment, flawlessly accomplished the [practice of keeping] the [eight precepts of the temporary] Sojong [ordination]; likewise so shall I, called [say your name], from now until the break of day tomorrow, for the sake of all beings, in order to bring benefit, in order to effect liberation, in order to eliminate famine, in order to eradicate sickness, in order to accomplish the thirty-seven practices conducive to enlightenment, in order to doubtlessly realize unsurpassed, perfect enlightenment, will flawlessly accomplish the [practice of keeping the eight precepts of the temporary] Sojong [ordination]. (3x)

[If present,] the preceptor shall say “thab yin no” (‘this is the method’), in reply to which one says “leg so” (‘excel- lent’). Having completed the third recitation, think that you have received the [eight vows of the temporary] Sojong [ordination] in your mindstream in the form of light and rejoice. Then reinvigorate your Bodhicitta-motivation, the altruistic aspiration to attain enlightenment for the sake of all sentient beings, by thinking:

**Tuyên bố cam kết để giữ các giới luật trong khoảng thời gian được chỉ định, Declaring**  
one’s commitment to keeping the precepts for the designated period

Từ nay về sau con sẽ không giết, sẽ không chiếm đoạt tài sản của người khác, cũng không tham gia hoạt động tình dục, cũng không nói lời không đúng sự thật.

Con sẽ hoàn toàn từ bỏ các chất say từ đó nảy sinh nhiều khuyết điểm [về đạo đức], sẽ không ngồi trên ngai vàng [hoặc những chiếc giường sang trọng [xa xỉ cao lớn quá]; tương tự như vậy, con sẽ không ăn vào thời điểm không thích hợp, con sẽ tránh ca hát và nhảy múa [và tránh tích cực nghe nhạc, hoặc chơi nhạc cụ], và sẽ không thoa nước hoa, mang vòng hoa, hay vật trang sức.

Như các vị A-la-hán tại mọi thời điểm đã tự kiềm chế những hành động tiêu cực ví dụ lấy mạng sống của người khác, y như vậy, con sẽ tránh hành động tiêu cực ví dụ lấy mạng sống của người khác. Nguyện cho con mau chóng đạt được giác ngộ vô song, và cầu cho thế giới này, vốn bị nhiều khổ ải, được giải thoát khỏi đại dương của sự hiên-hữu [sâu thẳm, tùy thuộc điều kiện duyên].

**Declaring one’s commitment to keeping the precepts for the designated period**

From now on I shall not kill, shall not seize others’ possessions, neither engage in sexual activity, nor speak untruthful words. I shall completely give up intoxicants, from which many [ethical] defects ensue, shall not sit on high thrones [or luxurious, oversized beds]; likewise, I shall not take my meal at inappropriate times, shall refrain from song and dance [and actively listening to music, or playing musical instruments], and shall not apply perfume, garlands, or ornaments. Just as the Arhats have at all times refrained from negative actions, such as taking the lives of others, so too, shall I avoid negative actions, such as taking the lives of others. May I quickly attain peerless enlightenment, and may this world, afflicted by many sufferings, come to be liberated from the ocean of [doleful, conditioned] existence.

**Chân-Ngôn Đạo Đức Toàn Hảo Tinh Khiết Dharani, The Dhāraṇī Of Perfectly Pure Morality**

Hãy lặp lại chân-ngôn *Đạo Đức Toàn Hảo Tinh Khiết Dharani* ba lần theo sự hướng dẫn của đạo sư, sau đó hãy đọc lại nó hai mươi một lần.

**OM AMOGHAŚĪLA SAMBHARA, BHARA BHARA,**

**MAHĀ-ŚUDDHA-SATTVA PADMA-VIBHUṢITA-BHŪJA DHARA DHARA,**

**SAMĀNTA, AVALOKITE HUM PHAT SVĀHĀ (21x)**

One repeats the above Dhāraṇī Of Perfectly Pure Morality following one’s guru’s lead three times, after which one recites it twenty-one times.





## Cầu Nguyện Để Giữ Đạo Đức Thuần Khiết, Prayer To Keep Pure Morality

Nguyện cho luân-lý của hành-vi đạo đức sẽ không có lỗi,  
Nguyện con hoàn toàn phát huy đạo đức không vết phạm.  
Bằng cách [phát huy] đạo đức không bị kiêu ngạo  
Nguyện con thành công đạt đến bờ xa hơn ứng xử đạo đức.

Lễ ba lạy

### Prayer To Keep Pure Morality

May my morality of ethical conduct be without fault, May I perfectly uphold stainless morality.  
By [upholding] morality free from conceit  
May I successfully reach the farther shore of ethical conduct.  
Perform three prostrations

### Hồi Hương, Dedication

Nguyện cho tri thức Bồ-đề-tâm tối cao  
Khởi dậy nơi nào chưa phát sinh,  
Không giảm nơi đã phát sinh  
Và tăng trưởng hơn mãi.

Bằng đức hạnh này, nguyện cho tất cả chúng sanh  
Hoàn thành việc tích tụ công đức và trí tuệ  
Và đạt được hai thân Phật <sup>3</sup> xuất sắc  
Được phát sinh từ công đức và trí tuệ.

Y như Đức Mañjuśrī Văn Thù hùng vĩ,  
Và giống như Đức Samantabhadra Phổ Hiền  
Nhận thức [hiện tượng pháp] chỉ như chúng là,  
Nên con cũng hồi hướng tất cả những đức hạnh này  
Để con luyện phù hợp theo bước chân của tất cả [đại hành giả này].

Vì [cách] hồi hướng này đã được ca ngợi  
Bởi tất cả các Đấng Chiến Thắng của ba thời  
Rễ này của toàn bộ đức hạnh của con,  
Con hồi hướng hết lòng để [tất cả chúng sanh] hành động tốt.

### Dedication prayers

May the precious, supreme mind of Bodhicitta  
Arise where it has not arisen  
Not diminish where it has arisen,  
And increase ever more.  
By this virtue, may all beings  
Complete the accumulation of merit and wisdom  
And attain the excellent two [kāyas]<sup>3</sup>  
Which arise from merit and wisdom.  
Just as the heroic Mañjuśrī, and likewise Samantabhadra  
Realized [phenomena] just as they are,  
So I, too, dedicate all these virtues  
That I may follow suit and train in the footsteps of all of these [great beings].  
Since this [manner of] dedication has been extolled  
By all victors of the three times  
This root of my virtue, in its entirety,  
I dedicate wholeheartedly, so that [all beings might] perform good deeds.





### 3 Ghi Chú Tóm Tắt Về Cách Thực Hành, Brief notes on the practice

Hành-giả lưu ý rằng sau khi thực hành nghi-lễ, hành-giả nên giữ tám giới đến khi kết thúc thời hạn được xác định. Tám giới bao gồm bốn lời thề gốc và bốn lời thề nhánh. Nhằm duy trì bốn giới gốc, hãy giữ các giới sau đây:

1. Không được lấy mạng sống — sẽ hoàn toàn vi phạm giới luật này nếu các điều kiện sau đây đồng thời liên hệ:
  - a) hành-giả hiểu đối tượng một cách lý trí và chính xác,
  - b) hành-giả bị thúc đẩy bởi vô-minh, luyến buộc, hay tức giận trong mong muốn chủ động lấy mạng sống,
  - c) hành-giả cố ý hành động với mục tiêu làm chết chúng-sanh mà hành-giả nhận-biết,
  - d) và kết quả là chúng-sinh đối-tượng - côn trùng, con người, chim, hoặc chúng-sanh nào khác bị chết.
2. Không lấy cái không được cho một cách tự-do - sẽ hoàn toàn vi phạm giới luật này nếu các điều kiện sau đồng thời liên hệ:
  - a) hành-giả hiểu đối tượng với lý trí và chính xác vật đối tượng được người khác (hoặc một tổ chức) tuyên bố là tài sản của họ ,
  - b) hành-giả bị thúc đẩy bởi vô-minh, muốn luyến, hay tức giận trong mong muốn mình chủ động lấy cái không được tự-do cho,
  - c) hành-giả cố ý thực-hiện hành động với mục tiêu lấy một đối-tượng mình biết được một người khác nói là họ sở hữu, dù lấy bí mật hay công khai, bằng xảo quyết hoặc bằng vũ lực, là đối tượng mang giá trị tiền tệ cao, trung bình hoặc nhỏ.
  - d) Hành động hoàn tất ngay khi xuất hiện ý nghĩ: “Tôi đã lấy thành công những gì không được cho một cách tự do”.
3. Không tham gia hoạt động tình dục. Khi thề giới không tham gia hoạt động tình dục, hành-giả phải từ bỏ mọi hoạt động tình dục dưới mọi hình thức, dù là một mình hoặc với những cá nhân khác giới tính hoặc cùng giới tính, trong nhà hay ngoài trời, trong một môi trường thiêng liêng hoặc tục tĩu, bất kể lỗ mở nào [của thân], ví dụ miệng, âm đạo hoặc hậu môn, hay một cực-khoái trải nghiệm từ việc cọ xát [phần thân thể] của cá-nhân mình hoặc của người khác, vv
  - a) hành-giả hiểu với lý trí và chính xác đối tượng mình muốn theo đuổi hoạt-động tình-dục,
  - b) hành-giả bị thúc đẩy bởi vô-minh, luyến buộc, hay tức giận trong mong muốn mình theo đuổi hoạt-động tình-dục,
  - c) hành-giả cố ý thực hiện hoạt-động tình-dục là mục tiêu.
  - d) Hành động hoàn tất ngay khi các bộ phận sinh dục tiếp xúc và thích thú tình-dục được trải nghiệm.
4. Không nói ngữ không-đúng-sự-thật: cơ sở của thông-tin không-đúng-sự-thật là bất cứ điều gì mà hành-giả đã thấy, không nhìn thấy, đã nghe, hoặc không nghe , v.v.. mà hành-giả biết là không đúng sự thật.
  - a) hành-giả hiểu một cách lý trí và chính xác rằng đối tượng mình muốn thông-tin là giả dối,
  - b) hành-giả bị thúc đẩy bởi vô-minh, luyến buộc, hay tức giận trong mong muốn mình thông-tin điều giả dối,
  - c) hành-giả cố ý thực hiện hoạt-động thông-tin điều giả dối, dù bằng lời, cử-chỉ bằng thân, hay giữ im lặng, tự riêng mình hay qua kẻ trung gian – bất kỳ trường-hợp nào.
  - d) Hành động hoàn tất ngay khi người mà hành-giả muốn thông-tin hiểu được thông-tin giả-dối – không kể người nhận có tin hay không.

5. Không Sử Dụng Các Chất Gây Say có nghĩa là kiêng hoàn toàn rượu, các loại thuốc kích

thích như Marihuana, opioid, ma túy được phẩm và bất kỳ chất làm thay đổi tâm trí nào khác 4 .

6. Không Ngồi Trên Những Chiếc Ghế Cao Và Không Nằm Trên Giường Xa-Xí Sang Trọng có nghĩa là tránh ngã lưng trên những chiếc ghế cao hoặc những chiếc giường nổi tiếng được làm từ chất liệu phô trương không phù hợp. Tất nhiên, điều này không áp dụng đối với bối cảnh thuyết pháp, lúc đó ngồi trên một pháp đài vàng là điều tích cực nên làm.
7. Không Ăn Vào Thời Điểm Không Thích hợp có nghĩa là không ăn trước bình minh và sau buổi trưa. Hơn nữa, khi thọ tám giới Đại thừa, hành-giả cũng phải tránh 'thực phẩm đen', tức là thịt, trứng, tỏi và hành tây và giới hạn số lượng thực-phẩm vào một đĩa phần ăn, và không xin phần ăn thứ nhì.
8. Không hát, nhảy múa, chơi đùa và không tích cực nghe nhạc; không thoa nước thơm, không đeo vòng hoa, hoặc đồ trang sức có nghĩa là hành giả nên bỏ những thứ này vì mất thời giờ, gây phân trí, và nâng cao diện mạo của mình. Điều này bao gồm mang vòng tay, sơn móng tay, sơn thoa môi, dầu xoa bóp, v.v. Nếu âm nhạc, tụng kinh, ca hát và khiêu vũ được thực hành như lễ cúng dường lên chư Phật và Bồ tát, thì không có lỗi vì hệ quả, nhưng hành giả được yêu cầu kiểm tra thực sự động cơ của mình và xác định một mức độ thành tâm ổn định trước khi cúng dường như vậy.

Hơn nữa, những điểm sau nên lưu ý phúc lợi:

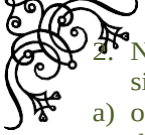
- i. Mặc dù nói chung nên thề tám giới Đại thừa trước mặt guru đạo-sư của mình, hoặc từ một đạo-sư mà hành-giả đã thành lập lòng tin trên cơ sở đáng tin cậy, hành-giả cũng có thể thề các giới trước bất kỳ tranh ảnh hoặc bức tượng nào của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni.
- ii. Hành giả nên thề tám giới Đại thừa vào những ngày cát-tường trong thời gian mà công đức tích lũy được nhân, mặc dù dĩ-nhiên các giới luật có thể được thề trong bất kỳ ngày nào mình mong muốn.
- iii. Theo truyền thống thì các giới này được thề vào lúc trời sáng và giữ chúng cho đến rạng sáng hôm sau, mặc dù hành-giả cũng có thể rút ngắn thời gian phù hợp với hoàn cảnh nào đó. Ví dụ khi hành giả phải tiếp khách cho một bữa ăn trưa thì sau buổi trưa, hành-giả có thể thề giới luật sau khi ăn trưa, trong đó nói rõ cho mình, bạch với đạo-sư, hoặc chư Phật và Bồ Tát được quán tưởng, là thời gian thề liên-hệ khoảng thế nào trong đó hành-giả muốn giữ các giới luật.
- iv. Tám giới luật Đại thừa có thể được thề trước khi làm lễ quy y.
- v. Tám giới luật Đại thừa rất tăng cường nếu thề với động cơ Bồ đề tâm.
- vi. Trong trường hợp không để ý, hành-giả phá giới hoặc vi phạm bất kỳ giới nào, hành-giả phải đọc Đạo Đức Toàn Hảo Tinh Khiết Chân-Ngôn Dharani (ít nhất) ba lần không chậm hoãn không cần thiết nhằm phục hồi lại thệ-nguyện, mặc dù hành-giả được khuyến khích mạnh mẽ nên giữ các giới luật càng toàn-hảo càng tốt và tránh các vi phạm.

#### **Brief notes on the practice**

Note that after the performance of this practice, one ought to guard the eight precepts until the end of the designated period. The eight precepts comprise the four root vows and the four branch vows. In order to sustain the four root vows, one guards the following precepts:

1. Not taking life—one fully breaks this precept if the following for conditions simultaneously apply:
  - a) one consciously and correctly apprehends the object,
  - b) one is motivated by ignorance, attachment, or anger in one's desire to actively take life,
  - c) one intentionally carries out the act that has as its purported aim the death of the perceived being,
  - d) and as a result, the being in question—insect, human, bird, or other being—dies.



- 
- 
2. Not taking what is not freely given—one fully breaks this precept if the following conditions simultaneously apply:
- a) one consciously and correctly apprehends an object that is claimed by another person (or institution) as their property,
  - b) one is motivated by ignorance, attachment, or anger in one's desire to actively take what has not been freely given,
  - c) one intentionally carries out the act that has as its purported aim the appropriation of an object one knows to be claimed by another party as their property, be that clandestinely or openly, by cunning or by force, be the object of high, middling, or little monetary value.
  - d) The action is complete as soon as the thought arises: "I have successfully taken what has not been freely given".
3. Not engaging in sexual activity. When taking the precept not to engage in sexual activity, one ought to desist from sexual activity of all kinds, be that solitary or with individuals of the opposite or same gender, indoors or outdoors, in a sacred or profane environment, irrespective of orifice such as the mouth, vagina or anus, or an orgasm experienced by rubbing against one's own or another's thigh, etc.
- a) one consciously and correctly apprehends an object in respect to which the desire to engage in sexual activity arises,
  - b) one is motivated by ignorance, attachment, or anger in one's desire to pursue sexual activity,
  - c) one intentionally carries out the act that has sexual activity as its purported result.
  - d) The action is complete as soon as the sexual organs meet and sexual pleasure is experienced.
4. Not speaking untrue words: the basis of communicating untruths is anything that one has seen, not seen, heard, or not heard etc. which one knows to be untrue.
- a) one knows the object to be communicated to be a falsehood,
  - b) one is motivated by ignorance, attachment, or anger in one's desire to communicate untruths. Note that communicating an untruth for the sake of telling a joke also counts as speaking untruths.
  - c) One intentionally carries out the act of communicating untruths, be that by speech, bodily gestures, or by remaining silent, by oneself or via an intermediary agent—whatever the case may be.
  - d) The action is complete as soon as the intended person comprehends the falsehood—irrespective of whether he or she believes the communication or not.
5. Not partaking of intoxicating substances means entirely abstaining from alcohol, recreational drugs such as Marijuana, opioids, pharmaceutical narcotics, and any other mind-altering substances.
6. Not to sit on high thrones or luxurious beds means avoiding reclining on high seats or representative beds fashioned from inappropriately ostentatious material. Of course, this does not apply to the context of giving a teaching, where sitting on such a throne for the convention is positively desirable.
7. Not to partake of one's meal at inappropriate times means refraining from the intake of food before dawn and after noon. Furthermore, in the context of the eight Mahāyāna-precepts, one likewise should avoid 'black foods', i.e. meat, eggs, garlic, and onions and limit the amount of one's food intake to one plate, and not ask for a second helping.
8. Not to engage in singing, dancing, playing and actively listening to music; not to apply perfumes, garlands, or ornaments means one should abandon these things for the sake of pastime, distraction, and the enhancement of one's appearance. This includes armlets, nail polish, lipstick, massage oils, etc. If music, chanting, song and dance are performed as an offering to the Buddhas and Bodhisattvas, no fault ensues, yet one is asked to truly check one's motivation and ascertain a stable degree of sincerity before giving such an offering. If one finds one partially employs the context of musical offering as a pretext, one better avoids making such an offering for the time being.

Moreover, the following points might be beneficial to note:

- i. Though it is generally advisable to take the eight Mahāyāna precepts from one's guru, or from a teacher one has established a dependable basis of trust with, one can also take the precepts in front of any representation or statue of Buddha Śākyamuni.
  - ii. One is advised to take the eight Mahāyāna precepts on auspicious days during which the merit accrued is multiplied, though of course the precepts can be taken on any desired day.
  - iii. Traditionally, one takes the precepts at daybreak and keeps them until dawn the next morning, though one can also shorten the time period in accordance with the given circumstances. For example when one receives guests for a lunch after noon, one can take the precepts after lunch, clearly stating to oneself, the preceptor, or the visualized Buddhas and Bodhisattvas the intended period, for which one sets out to guard the precepts.
  - iv. The eight Mahāyāna precepts can be taken before having taken refuge by way of ceremony.
  - v. The eight Mahāyāna precepts are greatly enhanced if taken with the Bodhicitta-motivation.
  - vi. In case that due to inattentiveness, one breaches or damages any precept, one should recite the dhāraṇī of perfectly pure morality (at least) three times without unnecessary delay in order to reinstate the precept, although one is strongly encouraged to keep the precepts as purely as possible and avoid infractions.
- 
- 



## 4 Thiền Ca Tán Dương Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Meditative Recitation of the Praises to Buddha Śākyamuni



Đạo Sư, Ứng Cúng, Thiện Thệ, Chánh Biến Tri, Minh Hạnh Túc, Như Lai, Thế Gian Giải, Điều Ngự Trượng Phu, Vô Thượng Sĩ, Thiên Nhân Sư, Phật Thế Tôn, Bạc Chiến Thắng Huy Hoàng, Đức Thích Ca Mâu Ni, con đánh lễ, cúng dường và quy y (x3).

Khi Phật; Đáng vĩ đại nhất đản sanh trong nhân loại,  
Ngài bước bảy bước trên trái đất này và nói:  
“Trên thế gian này, tối cao là Ta”  
Con đánh lễ Phật, Phật đã phân biệt rõ từ thuở đó .

Thân thể hoàn toàn thanh tịnh, sắc thân tuyệt vời,  
Đại dương trí huệ, như ngọn núi vàng,  
Thanh danh chói lọi trong ba giới,  
Đáng Bảo Hộ Tối Thượng, con đánh lễ Phật.

Phật có tướng hảo tối thượng, gương mặt như trăng không tỳ vết,  
Sắc màu vàng kim, con đánh lễ Phật.  
Ba giới khác biệt Phật (vì Phật) không lấm bụi,  
Đáng Vô Song, đầy tri kiến, con đánh lễ Phật.

Đáng Hộ Pháp có tâm đại bi,  
Đạo Sư Toàn Tri Toàn Giác,  
Điền như đại-dương công đức và thiện hạnh,  
Con đánh lễ Đáng Thiện Thệ Đã Nhập Diệu Lạc.

Bằng thanh tịnh, thoát khỏi bám chấp,  
Bằng thuần giới, thoát ngục cõi thấp,  
Chân Đế duy nhất, tuyệt diệu, tối thượng,  
Con đánh lễ Pháp mang đến an lành.

Từ tự do (Tăng Đoàn) dạy đạo,  
An định bền vững ba luyện-tập thanh tịnh  
Phước thánh-thiện điền đầy phẩm chất,  
Con cũng đánh lễ Tăng Đoàn.

“Đừng làm bất kỳ hành động không đạo đức nào;  
Hãy tích lũy đức hạnh và thiện lành,  
Hãy điều phục tâm trí mình”:  
Đây là giáo pháp của Đức Phật.

Như ngôi sao, ảo ảnh, ngọn đèn,  
Những ảo tưởng, các giọt sương, những bong bóng nước,  
Những giấc mơ, các tia chớp và những đám mây :  
Hãy nhìn mọi hiện tượng do duyên kết như là.

Bằng công đức đó, sau khi đã đạt trạng thái toàn kiến





Và từ đó chế ngự lỗi lầm đôi-thủ,  
Nguyện con giải thoát chúng sanh di cư khỏi biển hiện-hữu,  
Bị khuấy động bởi những làn sóng của sự già nua, bệnh tật và cái chết.

Teacher, Foe Destroyer, Thus Gone, Fully and Perfectly Awakened Buddha, Endowed with knowledge and good conduct, Gone to bliss, Knower of the world, Helmsman of ordinary beings to be tamed, Supreme one, Teacher of all gods and humans, Buddha, Foe Destroyer, Glorious Victorious One, Śākyamuni, to you I pay homage, make offerings and go for refuge. (x3)

When you, Greatest of humans, were born,  
You took seven steps on this great earth and you said:  
“I am supreme in this world.”  
To you who were discerning at that time, I pay homage.

Completely pure body, supremely fine form,  
Ocean of wisdom, like a golden mountain,  
Fame that blazes in the three worlds,  
Supreme protector, to you I pay homage.

Endowed with the supreme marks, a face like the stainless moon,  
A color like gold, to you I pay homage.  
The three worlds are not like you (who is) free of dust  
Matchless one, endowed with knowledge, to you I pay homage.

Protector endowed with great compassion,  
Omniscient teacher,  
Field of ocean-like merits and good qualities  
To the Thus Gone, I pay homage.

Through purity, free from attachment,  
Through virtue, unconnected with the lower realms,  
Unique, supreme Ultimate Meaning,  
To the Dharma that brings peace, I pay homage.

From freedom teaching the path,  
Well abiding in the pure trainings.  
Holy field endowed with good qualities,  
To the Saṅgha also, I pay homage.

Do not commit any non-virtuous actions;  
Accumulate virtue and goodness;  
Subdue your own mind:  
This is the teaching of the Buddha.

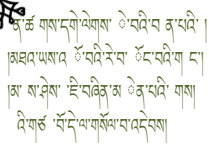
Like a star, a mirage, a lamp,  
Illusions, drops of dew, bubbles,  
Dreams, lightning, and clouds:  
Look at all conditioned phenomena as such.

Due to this merit, having attained the state of the all-seeing,  
And thereby subduing the enemy of faults,  
May I liberate migrators from the ocean of existence,  
Stirred by the waves of aging, sickness, and death.

#### 4.1 Tán Dương Đức Phật Thích Ca Mâu Ni bản ngắn, Short Praise to Śākyamuni Buddha

Con cầu nguyện Đấng Thủ Lãnh của dòng họ Thích-Ca,  
Thân của Phật được kết tạo từ mười triệu đức hạnh toàn hảo,  
Lời của Phật đáp ứng hy-vọng của chúng sanh vô-biên,  
Tri-thức của Phật nhìn thấy chính xác mọi đối-tượng của kiến-thức.





I pray to the chief of the Sākyas,  
Whose body was formed by ten million perfect virtues,  
Whose speech fulfills the hopes of limitless beings,  
Whose mind sees precisely all objects of knowledge.

## 4.2 Minh Chú Ca dâng Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, Mantra Incantation of Śākyamuni Buddha

Tiếng Phạn

In Sanskrit: [तद्यथा] ॐ मुने मुने महामुनये स्वाहा ।।

Tiếng Tạng,

In Tibetan: [ྲུ་བྱ་] ཨོ་སྐྱི་སྐྱི་མདྲ་སྐྱི་ཡེ་སྤྱི་རྒྱ།

Tiếng Việt Anh:

[Tad Yathā] Om Mune Mune Mahā-Munaye Svāhā

**5 Trí Huệ Toàn Hảo Bát Nhã Ba-la-mật-đa Tâm Kinh, the Heart of the Perfection of Wisdom Sūtra**

Đảnh lễ Thê-Tôn Mẫu, Trí-huệ Toàn-hảo Bát Nhã Ba-la-mật-đa!

Có một thời tôi nghe như vậy: Đức Thế-Tôn The Blessed One ở thành Vương-xá Rajgrha trên Đỉnh Linh Thứu cùng với pháp hội nhiều vị tỳ kheo và nhiều vị Bồ-tát, và lúc đó, Đức Thế-Tôn vào thiền định về các loại hiện-tượng (pháp) khác nhau gọi là Hiện-Hiện Của Thâm-Sâu (appearance of the profound). Cùng lúc đó, Bồ-tát Đại-Bồ-tát Đức Quán-Tự-Tại Avalokiteshvara, chúng kiến thấy rõ chính thực hành Trí-huệ Toàn-hảo Thâm-sâu và thấy rằng ngay đến (even) năm uẩn hợp-thành cũng trống sự hiện-hữu vốn có sẵn (also empty of inherent existence).

Liên sau đây, qua sự cảm-hứng do Đức Phật truyền, tỳ-kheo Xá-lợi-phất Śāriputra thưa với Đức Quán-Tự-Tại Avalokiteshvara và nói, “Thiện nam [thiện nữ] nào ước nguyện thực-hành Trí-huệ Toàn-hảo Thâm-sâu phải tu luyện như thế nào?”

Khi điều này đã nói, Đức Quán-Tự-Tại Avalokiteśvara Bồ-tát Đại-bồ-tát, đáp lời tỳ-kheo Xá-Lợi-Phất Śāradvatīputra và nói, “Śāriputra, thiện nam [thiện nữ] nào ước nguyện thực-hành Trí-huệ Toàn-hảo Thâm-sâu thấy rõ cách này: họ phải thấy toàn hảo rằng ngay đến (even) năm uẩn hợp-thành cũng trống sự hiện-hữu vốn có sẵn. Sắc thể là không, tánh không là sắc-thể, tánh không chẳng khác sắc thể, sắc thể cũng chẳng khác tánh không. Tương tự như vậy, cảm thọ , tướng phân-biệt (discrimination), cấu-thành tinh-thần (mental formations), và nhận-thức (consciousness) tất cả đều trống.





Do đó, Śāriputra, mọi hiện-tượng đều trống; [hiện-tượng] không có đặc-tính xác định (no defining characteristics); chúng không sanh, không diệt, không dư, không không-dư, không thiếu sót, và không đầy đủ.

Do đó, ngài Śāriputra, trong tánh không thì không có sắc thể, không có cảm-thọ, không có tưởng phân-biệt, không có cấu-thành tinh-thần, và không có nhận-thức. Không có mắt, không có tai, không có mũi, không có lưỡi, không có thân, không có tri thức. Không có hình sắc, không có âm-thanh, không có hương mùi, không có vị nếm, không có chạm xúc, và không có đối tượng tri thức. Không có yếu tố mắt v.v.. kể cả đến không có yếu tố ý tưởng kể cả không yếu-tố nhận-thức tinh-thần. Không có vô-minh, không có tận-diệt vô-minh, và tiếp tục như thế đến không có sự già và sự chết và không có tận diệt sự già và sự chết. Cũng vậy, không có khổ, nguyên nhân, tận diệt hay đạo, không có trí-huệ, không có chứng đạt, và cũng không có không-chứng-đạt.

Do đó, Śāriputra, bởi vì chư Bồ-tát không có chứng-đạt, Bồ-tát nương dựa vào trí-huệ toàn-hảo này và an trụ trong đó. Vì không bị che khuất trong tri-thức của các Bồ-tát, Bồ-tát không khiếp sợ, và bằng cách đi hoàn-toàn vượt qua sai lầm, các Bồ-tát sẽ đi đến cuối niết-bàn. Tất cả chư Phật cũng vậy, Phật trụ trong ba thời đạt thức tỉnh trọn vẹn của giác ngộ vô song, hoàn toàn. Tất cả chư Phật trụ trong ba thời cũng như vậy đạt thức tỉnh trọn vẹn của giác ngộ vô song, hoàn toàn an trụ trong ba thời của giác ngộ vô song hoàn toàn bằng cách nương dựa vào trí-huệ toàn-hảo thâm sâu.

Do đó, phải biết minh-chú trí-huệ toàn-hảo —minh chú của kiến thức vĩ đại, minh chú vô song, minh-chú đồng bậc với vô thượng, minh-chú chế ngự mọi khổ đau – là sự thật tại vì nó không lừa gạt. Minh chú của trí huệ toàn hảo được tuyên thuyết rằng:

Tiếng Phạn:

In Sanskrit: तद्यथा गते गते पारगते पारसंगते बोधि स्वा हा ॥

In Tibetan: ཏདཡཐ་གཏེ་གཏེ་པཱ་ར་གཏེ་པཱ་ར་སྐྱེ་གཏེ་བོདླེ་སྐྱ་ཱུ་ ༥

Tiếng Tây Tạng

Tiếng Anh: Tadyathā Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate Bodhi Svāhā

Tiếng Việt: Đát-diệt-tha: Yết Đế Yết Đế Ba La Yết Đế Ba La Tăng Yết Đế Bồ Đề Tát Bà Ha

[Như vậy: Đi qua, Vượt qua, Vượt qua bên kia, Vượt qua hoàn toàn, An trụ trong giác ngộ. Thế đấy!]

“Xá-lợi-phất, chư Bồ-tát đại Bồ-tát phải luyện trí-huệ toàn-hảo theo cách này.”

Liền sau đây Đức Thế Tôn xuất từ thiền định hợp-nhất đó (meditative absorption) và khen ngợi Bồ-tát Đại Bồ-tát Đức Quán-Tự-Tại rằng, “Xuất sắc! Xuất sắc! Đây





Thánh Thiện Tử, đúng như vậy, phải là đúng như vậy. Hành giả phải thực-hành Trí-huệ Toàn-hảo Thâm-sâu đúng như thiện tử đã vạch ra. Vì khi đó ngay cả chư Như Lai sẽ hoan hỷ”

Lúc Đức Thế-Tôn thốt lên những lời này, tỳ-kheo Xá-lợi-phất Śāriputra, Bồ-tát Đại Bồ-tát Đức Quán-Tự-Tại Avalokiteśvara, cùng với cả pháp hội, bao gồm các giới chư thiên, người, asura, và càn-thát-bà ghandarva, tất cả hoan hỷ và tán thán những điều Đức Thế-Tôn nói.

(Trên đây là bản thảo 1 dịch Kinh Trí Huệ Toàn Hảo Tâm Kinh tiếng Anh trong Sách Thực Hành này Saga Dawa 2021 trích từ hạnh trì do Đức Đạt Lai Lạt Ma đời thứ 7 trước tác, để quý vị tham khảo và tụng nếu quý vị muốn. Quý vị hoan hỷ xem chú thích 7 cuối sách có bản dịch của Geshepa Sur Cö Nhật Hạnh)

I prostrate to the Bhagavatī, the Perfection of Wisdom! Thus have I once heard: The Blessed One was staying in Rajgrha at Vultures’ Peak along with a great community of monks and a great community of Bodhisattvas, and at that that time, the Blessed One entered the meditative absorption of the varieties of phenomena called the appearance of the profound. At that time as well, the noble Avalokiteśvara, the Bodhisattva, the great being, clearly beheld the practice of the profound perfection of wisdom itself and saw that even the five aggregates are empty of inherent existence.

Thereupon, through the Buddha’s inspiration, the venerable Śāriputra spoke to the noble Avalokiteśvara, the Bodhisattva the great being, and said, “How should any noble son train who wishes to engage in the practice of the profound perfection of wisdom?”

When this had been said, the noble Avalokiteśvara, the Bodhisattva, the great being, spoke to the venerable Śāradvatīputra and said, “Śāriputra, any noble son or noble daughter who so wishes to engage in the practice of the profound perfection of wisdom should clearly see this way: they should see perfectly that even the five aggregates are empty of inherent existence. Form is empty, emptiness is form; emptiness is no other than form, form too is not other than emptiness. Likewise, feeling, discrimination, mental formations, and consciousness are all empty. Therefore, Śāriputra, all phenomena are empty; they are without defining characteristics; they are not born, they do not cease; they are not defiled, they are not undefiled; they are not deficient, and they are not complete.

Therefore, Śāriputra, in emptiness there is no form, on feeling, no discrimination, no mental formations, and no consciousness. There is no eye, no ear, no nose, no tongue, no body, no mind. There is no form, no sound, no smell, no taste, no texture, and no mental objects. There is no eye-element and so on up to no mind-element including up to no element of mental consciousness. There is no ignorance, there is no extinction of ignorance, and so on up to no aging and death and no extinction of aging and death. Likewise, there is no suffering, origin, cessation, or path; there is no wisdom, no attainment, and also no non-attainment.

Therefore, Śāriputra, since Bodhisattvas have no attainment, they rely on this perfection of wisdom and therein abide. Having no obscurations in their minds, they have no fear, and by going utterly beyond error, they will reach the end of nirvāṇa. All the Buddhas as well who abide in the three times attain the full awakening of unexcelled, perfect enlightenment by relying on this profound perfection of wisdom. Therefore, one should know that the mantra of the perfection of wisdom—the mantra of great knowledge, the unexcelled mantra, the mantra equal to the unequalled, the mantra that quells all suffering—is true because it is not deceptive. The mantra of the perfection of wisdom is proclaimed:

In Sanskrit: त था गते गते पारगते पारसंगते बोधि वा हा ॥

In Tibetan: ཏད་ཐ་གཏེ་གཏེ་པ་ར་གཏེ་པ་ར་སྐྱེ་གཏེ་བོད་ཀྱི་སྐྱེ་ཏེ་ ॥

In English: Tadyathā Gate Gate Pāragate Pārasaṃgate Bodhi Svāhā

“Śāriputra, the Bodhisattvas, the great beings, should train in the perfection of wisdom in this way.”

Thereupon the Blessed One arose from that meditative absorption and commended the holy Avalokiteśvara, the Bodhisattva, the great beings saying, “Excellent! Excellent! O noble child, it is just so; it should be just so. One must practice the profound perfection of wisdom just as you have revealed. For then even the Tathāgatas will rejoice.”

As the Blessed One uttered these words, the venerable Śāriputra, the holy Avalokiteśvara, the Bodhisattva, the great being, along with the entire assembly, including the worlds of gods, humans, asuras, and gandharvas, all rejoiced and highly praised that spoken by the Blessed One.

## 6 Tụng Niệm Kinh Kim Cương Năng Đoạn, Recitation of the Diamond-Cutter Sūtra

*Kinh được sắp xếp, để dễ đọc, bằng tiếng Việt. Chúng con tri ân những người đi trước làm việc chăm chỉ trong các phiên bản trước của ấn bản AVI của sūtra này tiếng Anh Hoa và Việt. Cầu mong công đức của quý vị ngày càng tăng.*

*The Sūtra is arranged, for easy recitation, in English and Chinese. Gratitude is expressed to the hard working predecessors working on previous versions of the AVI edition of this sūtra. May their merit increase.*

### Mục Lục Kinh Kim Cương Contents

### Cầu Nguyện Lúc Bắt Đầu, Preliminary Prayers 9

1. Quy Y Refuge | 10
2. Phát Bồ Đề Tâm Bodhicitta Prayer 11
3. Tứ Vô Lượng Tâm, Four Immeasurables 12
4. Kinh Kim Cương Của Trí-Huệ Toàn Hảo 13
- Khai Kinh - Sutra Opening Verse - 開經偈 14
1. Nhân Duyên Pháp Hội, Convocation Of The Assembly, 法會因由分第 14
2. Thiện Hiện Khởi Thỉnh Pháp, Subhuti Requests The Teaching, 善現啟請分第二 15
3. Chính Tông Đại Thừa - Bồ Tát Giới The Bodhisattva Vows, 大乘正宗分第三 17
4. Diệu Hạnh Vô Trụ - Bồ Thí Không Bám Chấp, Unattached Practice Of Charity, 妙行無住分第四 18
5. Như Lý Thực Kiến - Thuộc Tính Vật Lý Của Phật Quả, Physical Attributes Of Buddhahood 如理實見分第五 20
6. Chánh Tín Hiếm Có - Công Đức Của Tín Tâm, The Merit Of True Faith 正信希有分第六 21
7. Không Đắc, Không Thuyết Nói - No Attainment, No Teaching, 無得無說分第七 24
8. Y Pháp Xuất Sinh - Theo Pháp Mà Sinh, Real Merit Has No Merit 依法出生分第八 25
9. Tướng Vô Tướng Của Alahán - Bốn Giai Trình Của A La Hán, The Four Stages Of An Arhat 相無相分第九 27



10. Trang Nghiệm Tịnh Thổ - Chuyển Sang Cõi Phật, Transformation To A Buddha World, 莊嚴淨土分第十 30
11. Phúc Thắng Nghĩa Đê Vô Vi - Công Đức Của Kinh, Merits Of This Sutra, 無為福勝分第十一 33
12. Tôn Trọng Chính Giáo, Công Đức Lạ Thường Nhất, The Most Extraordinary Merit, 尊重正教分第十二 34
13. Như Pháp Thọ Trì, Naming Of The Sutra, 如法受持分第十三 35
14. Ly Tướng Tịnh Diệt, A Mind Without Attachments, 離相寂滅分第十四 39
15. Công Đức Trì Kinh - Kinh Là Phương Tiện Chuyên Chở Tuyệt Đỉnh, The Sutra Is A Supreme Vehicle, 持經功德分第十五 45
16. Năng Tịnh Nghiệp Chướng, Purgation Of Bad Karma, 能淨業障分第十六 48
17. Cứu-Cánh Vô Ngã - Tất Cả Pháp Không Là Pháp All Dharmas Are Non-Dharmas, 究竟無我分第十七 51
18. Nhất Thể Đồng Quán - Tất Cả Ý Tưởng Vô Hình Không Thể Sờ, All Thoughts Are Intangible, 體同觀分第十八 57
19. Pháp Giới Thông Hóa - Không Công Đức Là Công Đức Lớn, No Merit Is Great Merit, 界通化分第十九 60
20. Y Sắc Ly Tướng - Các Thuộc-Tính Vật-Lý Siêu-Việt, Transcending Physical Attributes, 離色離相分第二十 61
21. Phi Thuyết Sở Thuyết, Không Nói Điều Có Thể Nói – Không Có Pháp Để Giảng, There Is No Dharma To Teach, 非說所說分第二十一 62
22. Vô Pháp Khả Đắc - Không Có Pháp Nào Có Thể Đắc, No Attainment Is Supreme Enlightenment, 無法可得分第二十二 64
23. Tịnh Tâm Hành Thiện - Tất Cả Pháp Bằng Nhau, All Dharmas Are Equal 心行善分第二十三 65
24. Phúc Trí Vô Bĩ - Không Thể So Sánh Công Đức Truyền Kinh, The Merits Of Transmitting The Sutra 福智無比分第二十四 66
25. Hóa Vô Sở Hóa - Không Có Chúng Sinh Để Giải Thoát, There Are No Beings To Liberate 化無所化分第二十五 67
26. Pháp Thân Phi Tướng Đùng Tìm Phật Trong Sắc Tướng Hay Âm Thanh, Seek The Buddha Not In Form Or Sound, 法身非相分第二十六 68
27. Vô Đoạn Vô Diệt - Tránh Cái Thấy Đoạn-Diệt, Avoid Annihilistic Views 無斷無滅分第二十七 70





28. Bất Thụ Bất Tham - Bỏ Tắt Không Tích Công Đức, Bodhisattvas Do Not Accumulate Merits 不受不貪分第二十八 71

29. Uy Nghi Tĩnh Tĩnh Lại - Không Đến Không Đi, Thus-Come-One Neither Comes Nor Goes, 威儀寂靜分第二十九 73

30. Nhất Hợp Lý Tướng, Bản Chất Của Thế Giới, The Nature Of The World, 合理相分第三十 73

31. Tri Kiến Không Sinh - Tiêu Diệt Bốn Kiến Thấy, Extinction Of The Four Views, 知見不生分第三十一 75

32. Ứng Hóa Phi Chân - Tất Cả Pháp Là Ảo Tượng, All Phenomena Are Illusions 應化非真分第三十二 77  
*Cầu Nguyện Lúc Kết Thúc 79*

5. Hồi Hướng Dedication [迴向] 80

6. Tán Dương Lama Tsongkhapa, Praise Of Lama Tsongkhapa, [無緣悲心贊] 86

7. Cầu Nguyện Khen Rinpoche Geshe Gyalten Kungha Trường Thọ Long Life Prayer 87

8. Minh Chú Hồng Danh 91

CẦU NGUYỆN LÚC BẮT ĐẦU, PRELIMINARY PRAYERS

QUY Y Refuge

ནམ་གུ་པ་རྒྱུ་ནམ་བུ་ལྟེ་  
ནམ་དྲ་ལྟེ་ ནམ་སྐྱ་ལྟེ་  
namo guru bhya  
namo buddhaya  
namo dharmaya  
namo sanghaya  
ནམ་གུ་པ་རྒྱུ།  
ནམ་བུ་ལྟེ།  
ནམ་དྲ་ལྟེ།  
ནམ་སྐྱ་ལྟེ། རེ་ག་ མ།

Đệ tử và chúng sinh như không gian vô tận  
Từ nay cho đến ngày đạt tinh túy giác ngộ

Nguyện Quy y Đạo Sư  
Quy y Phật Thế Tôn  
Quy y Chân Diệu Pháp  
Quy y Chư Thánh Tăng (3x)

I pay homage to the Guru  
I pay homage to the Buddha  
I pay homage to the Dharma  
I pay homage to the Sangha.





## PHÁT BỒ ĐỀ TÂM Bodhicitta Prayer

སངས་རྒྱལ་ཆོས་དང་ཚྷགས་གི་མཆོག་ནམས་ལ། བྱང་རྒྱལ་བར་དུ་བདག་ནི་སྐྱབས་སུ་མཆོ། བདག་གིས་ཆོས་ཉན་བགིས་པའི་བསོད་ནམས་གིས། འགྲོ་ལ་ཕན་པའི་སངས་རྒྱལ་འབྲུག་པར་གྲོག།

**sang.gye chödang tsokkyi chog.nam la jangchub bardu dakni kyabsu chi dakgi chö.nyen gyipé sönam kyi drola penchir sang.gye drubpar shog**

Con quy y cho đến khi giác ngộ  
Con nương tựa Phật, Pháp và Tăng  
Nhờ công đức con tạo nay nghePháp  
Nguyện đạt Phật đạo để phúc lợi tất cả chúng sanh.

I take refuge until I am enlightened  
In the Buddha, the Dharma and the Sangha  
By the merit I create from listening to the Dharma  
May I attain Buddhahood in order to benefit all sentient beings. (3x)

## TÚ VÔ LƯỢNG TÂM, Four Immeasurables

སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་བདེ་བ་དང་བདེ་བའི་རྒྱ་དང་ལྷན་པར་གྱུར་ཅིག  
སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྐྱུག་བསྐྱེལ་དང་སྐྱུག་བསྐྱེལ་གྱི་རྒྱ་དང་བཅས་པར་གྱུར་ཅིག  
སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྐྱུག་བསྐྱེལ་མེད་པའི་བདེ་བ་དང་མེ་འབྲུག་པར་གྱུར་ཅིག  
སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཉེ་རིང་ཆགས་སྣང་གཉིས་དང་བཅས་པའི་བདེ་བ་དང་སེམས་གནས་པར་གྱུར་ཅིག །

**semchen tamché dewa dang dewé gyudang denpar gyur chik**  
**semchen tamché duk.ngal dang**  
**duk.ngal gyi gyudang drelwar gyur chik**  
**semchen tamché duk.ngal mepé dewa dang mi.dral war gyur chik**  
**semchen tamché nyering chakdang nyi.dang dralwé tang.nyom.la nepar gyur chik**

Nguyện tất cả chúng sinh được hạnh phúc và nhân hạnh phúc  
Nguyện tất cả chúng sinh thoát đau khổ và nhân của khổ  
Nguyện tất cả chúng sinh không thể lìa an lạc vắng khổ  
Nguyện tất cả chúng sinh an trụ trong bình đẳng, thoát tham luyến người thân và thoát sân kẻ thù  
(3x)

May all sentient beings have happiness and the causes of happiness.  
May all sentient beings be free from  
suffering and the causes of suffering.  
May all sentient beings be inseparable  
from the happiness that is free from suffering.  
May all sentient beings abide in equanimity,  
free from attachment for friends and hatred for enemies. (3x)

## TÚ VÔ LƯỢNG TÂM, Four Immeasurables

སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་བདེ་བ་དང་བདེ་བའི་རྒྱ་དང་ལྷན་པར་གྱུར་ཅིག  
སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྐྱུག་བསྐྱེལ་དང་སྐྱུག་བསྐྱེལ་གྱི་རྒྱ་དང་བཅས་པར་གྱུར་ཅིག  
སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་སྐྱུག་བསྐྱེལ་མེད་པའི་བདེ་བ་དང་མེ་འབྲུག་པར་གྱུར་ཅིག  
སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཉེ་རིང་ཆགས་སྣང་གཉིས་དང་བཅས་པའི་བདེ་བ་དང་སེམས་གནས་པར་གྱུར་ཅིག །

**semchen tamché dewa dang dewé gyudang denpar gyur chik**  
**semchen tamché duk.ngal dang**  
**duk.ngal gyi gyudang drelwar gyur chik**  
**semchen tamché duk.ngal mepé dewa dang mi.dral war gyur chik**  
**semchen tamché nyering chakdang nyi.dang dralwé tang.nyom.la nepar gyur chik**

Nguyện tất cả chúng sinh được hạnh phúc và nhân hạnh phúc  
Nguyện tất cả chúng sinh thoát đau khổ và nhân của khổ  
Nguyện tất cả chúng sinh không thể lìa an lạc vắng khổ  
Nguyện tất cả chúng sinh an trụ trong bình đẳng, thoát tham luyến người thân và thoát sân kẻ thù





May all sentient beings have happiness and the causes of happiness.  
May all sentient beings be free from  
suffering and the causes of suffering.  
May all sentient beings be inseparable  
from the happiness that is free from suffering.  
May all sentient beings abide in equanimity,  
free from attachment for friends and hatred for enemies. (3x)



## Kinh KIM CƯƠNG của TRÍ-HUỆ TOÀN HẢO

THE DIAMOND OF  
PERFECT WISDOM SUTRA

金剛般若波羅蜜經

Trích Hán dịch của Cưu-Ma-la-Thập,  
Diệu-Tần Tam-Tạng Pháp-Sư

*Tripitaka Master Kumarajiva*

BẢN THẢO 2 Dựa theo Việt dịch: H.T. Thích Trí-Tịnh

.姚秦三藏法師鳩摩羅什譯

Namo Bổng Sư Thích Ca Muni Phật (3x)  
Namo Guru Shakyamuni Buddha (3x)



Pháp, vô cùng sâu sắc và tinh tế,  
Ít khi gặp dù trong một triệu a-tăng kỳ-kiếp.  
Giờ đây, chúng ta có thể nghe, học và thực hành theo,  
Cầu mong chúng ta nhận thức được đầy đủ ý nghĩa chân thật của chư Như Lai.

The Dharma, infinitely profound and subtle,  
Is rarely encountered even in a million kalpas.  
Now we are able to hear, study, and follow it,  
May we fully realize the Tathagata's true meaning.

## 1) NHÂN DUYÊN PHÁP HỘI, CONVOCATION OF THE ASSEMBLY

Ta nghe như vậy: Một thuở nọ, đức Phật ở trong vườn Anathapindada (Kỳ-Thọ), tỉnh Jeta (Cấp-Cô-Độc), tại nước Shravasti (Xá-Vệ), cùng với chúng đại Tỳ-kheo, một nghìn hai trăm năm mươi người câu-hội. Lúc đó, gần đến giờ ăn, đức Thế-Tôn đắp y, cầm bát, vào thành lớn Shravasti (Xá-Vệ) mà khát thực. Trong thành ấy, đức Phật theo thứ tự, ghé từng nhà, khát-thực xong trở về Tịnh-Xá, dùng cơm, rồi cất y-bát, sau khi rửa chân xong, đức Phật trải tòa mà ngồi.

Thus I have heard. Once, the Buddha was staying in the Anathapindada's Park at Jeta Grove in Shravasti, with a community of 1,250 bhiksus. When it was mealtime, the World Honored One put on his robe, took his alms-bowl, and went into the great city of Shravasti, going from house to house to beg for food. This done, he returned to his abiding place, finished the meal, put away his robe and bowl, washed his feet, arranged his seat, and sat down.

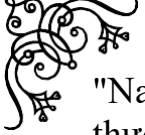
## 2) THIỆN HIỆN KHỞI THỈNH PHÁP, SUBHUTI REQUESTS THE TEACHING

Bấy giờ, ông Trưởng-Lão Subhuti Tu-Bồ-Đề, ở trong đại-chúng, liền từ chỗ ngồi đứng dậy, trạch áo bên vai phải, gối bên phải quỳ sát đất, cung kính chấp tay, mà bạch cùng đức Phật rằng:

*"Hi hữu thay, đức Thế-Tôn! Đức Như-Lai Tathagata khéo hay quan tâm, bảo hộ các vị Bồ-tát, và khéo chỉ dẫn cho các vị Bồ-tát!*

*Bạch đức Thế-Tôn! Thiện-nam, thiện-nữ phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác (anuttara-samyak-sambodhi) thì phải trụ tâm như thế nào, nên hàng-phục tư tưởng mình như thế nào?"*

Đức Phật dạy: "Hay thay! Hay thay! Này Subhuti! Đúng như lời của ông vừa nói, đức Như-Lai khéo hay quan tâm, bảo hộ các vị Bồ-tát, và khéo chỉ dẫn cho các vị Bồ-tát.



"Nay ông nên lắng nghe, Ta sẽ vì ông mà nói. Thiện-nam, thiện-nữ, phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, phải trụ tâm như thế này, phải hàng-phục tâm mình như thế này"...

*"Vâng, bạch đức Thế-Tôn! Con xin vui thích muốn nghe."*

Then, the elder Subhuti in the assembly arose from his seat, bared his right shoulder, knelt on his right knee with his palms joined, and respectfully addressed the Buddha: "How remarkable, World Honored One, that the Tathagata is ever-mindful of bodhisattvas, protecting and instructing them well! World Honored One, when good men and good women resolve to attain unsurpassed complete enlightenment (anuttara-samyak-sambodhi), how should they abide their mind, and how should they subdue their thoughts?"

The Buddha said, "Excellent! Excellent! Subhuti, it is as you have said. The Tathagata is ever-mindful of bodhisattvas, protecting and instructing them well. Now listen attentively, and I shall explain it for you: Good men and good women who resolve to attain unsurpassed complete enlightenment should thus abide and subdue their thoughts."

The Venerable Subhuti said: "Yes, World Honored One. We are listening with great anticipation."

### **3) CHÍNH TÔNG ĐẠI THỪA - BỒ TÁT GIỚI THE BODHISATTVA VOWS**

Đức Phật bảo ngài Subhuti:

"Các vị đại Bồ-tát phải hàng-phục tâm mình như thế này: bao nhiêu những loài chúng-sanh, hoặc là loài noãn-sanh, hoặc loài thai-sanh, hoặc loài âm-thấp-sanh, hoặc loài hóa-sanh, hoặc loài có hình-sắc, hoặc loài không-hình-sắc, hoặc loài có-tư-tướng, hoặc loài không-tư-tướng, hoặc loài chẳng-phải-có-tư-tướng, mà cũng chẳng-phải-không-tư-tướng, thì Ta đều làm cho được diệt-độ, và đưa tất cả vào nơi vô-dư niết-bàn.

Diệt-độ vô-lượng, vô-số, vô-biên chúng-sanh như thế, mà thật không có chúng-sanh nào là kẻ được diệt-độ cả. Tại sao vậy?

Này, Subhuti! Nếu vị Bồ-tát còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả (chúng-sanh có thọ mạng), thì chẳng phải là Bồ-tát.

The Buddha said to Subhuti: "The bodhisattvas and mahasattvas

should thus subdue their thoughts: All the different types of sentient beings, whether they are born from eggs, from wombs, from moisture, or by transformation; whether or not they have form; whether they have thoughts or no thoughts, or have neither thought nor non-thought, I will liberate them by leading them to nirvana without residue. When immeasurable, countless, infinite numbers of sentient beings have been liberated, in reality, no sentient beings have been liberated. Why is this so? Subhuti, if bodhisattvas abide in the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span, they are not bodhisattvas."





## 4) DIỆU HẠNH VÔ TRỤ - BỒ THÍ KHÔNG BẮM CHẤP, UNATTACHED PRACTICE OF CHARITY



Subhuti! Lại nữa, vị Bồ-tát, đứng nơi pháp, phải nên không có chỗ trụ mà làm việc bố-thí. Nghĩa là không trụ vào hình sắc mà bố-thí, không trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà bố-thí. Nay, Subhuti! Vị Bồ-tát phải nên bố-thí như thế, chẳng trụ vào tướng. Tại vì sao? Vì nếu vị Bồ-tát, không trụ vào tướng mà bố-thí, thì phước-đức nhiều không thể suy lường.

Subhuti! Ý của ông thế nào? Có thể suy-lường được cõi hư-không ở phương đông chăng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn, không thể suy-lường được."*

"Subhuti! Có thể suy-lường được cõi hư-không ở phương nam, tây, bắc, cõi hư-không ở bốn hướng cạnh, và cõi hư-không ở trên, ở dưới, chăng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Không thể suy-lường được."*

"Subhuti! Vị Bồ-tát chỉ phải nên đứng như lời Ta đã dạy đó mà trụ.

Subhuti! Vị Bồ-tát không trụ-vào tướng mà bố-thí, thì phước-đức cũng lại như thế, không thể suy-lường được. Bồ-tát chỉ nên theo lời dạy như vậy.

*"Furthermore, Subhuti, in the practice of charity, bodhisattvas should abide in nothing whatsoever. That is, to practice charity without attachment to form, sound, smell, taste, touch, or dharmas. Subhuti, bodhisattvas should practice charity this way, without attachment to anything. Why? If bodhisattvas practice charity without attachment, their merits are immeasurable. Subhuti, what do you think? Is the space in the eastern direction measurable?"*

*"No, World Honored One, it is immeasurable."*

*"Subhuti, is any of the space above or below, in the four cardinal directions, or in the four intermediate directions measurable?"*

*"They are immeasurable, World Honored One."*

*"Subhuti, the merits attained by bodhisattvas who practice charity without attachment are also immeasurable like space.*

*Subhuti, bodhisattvas should abide in this teaching."*

## 5) NHƯ LÝ THỰC KIẾN - THUỘC TÍNH VẬT LÝ CỦA PHẬT QUẢ, PHYSICAL ATTRIBUTES OF BUDDHAHOOD

Subhuti! Ý của ông thế nào? Có thể do nơi thân tướng mà thấy Như-Lai chăng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Không thể do nơi thân tướng mà thấy được Như-Lai. Bởi vì sao? Vì đức Như-Lai nói thân-tướng đó chính là chẳng phải thân-tướng."*

Đức Phật bảo ông Subhuti: " Phàm tất cả các tướng đều là hư-vọng cả! Nếu nhận thấy các tướng đều là không phải tướng, chính là thấy Như-Lai".

*"Subhuti, what do you think? Can one recognize the Tathagata by means of his physical appearance?"*

*"No, World Honored One. One cannot recognize the Tathagata by his physical appearance. Why not? The*





Tathagata teaches that physical appearances are actually not physical appearances.”

The Buddha said to Subhuti: “All appearances are illusory. To see that appearances are not appearances is to see the Tathagata.”



## 6) CHÁNH TÍN HIẾM CÓ - CÔNG ĐỨC CỦA TÍN TÂM, THE MERIT OF TRUE FAITH

Ông Subhuti bạch cùng đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Sẽ có chúng-sanh nào được nghe những câu trong bài giảng-giải như vậy, mà sanh lòng tin là thật chẳng?"

Đức Phật bảo ông Subhuti:

"Ông chớ nói lời ấy! Sau khi Như-Lai diệt-độ, năm trăm năm sau, có người trì-giới, tu phước, sẽ sanh lòng tin nơi những câu trong bài này là chân thật, thì ông phải biết rằng người ấy chẳng phải chỉ vun trồng đủ loại thiện căn từ nơi một đức Phật, hai đức Phật, ba, bốn, năm đức Phật, mà người đó đã vun-trồng thiện căn từ nơi vô-lượng tram nghìn cả muôn đức Phật rồi.

Như có ai nghe những câu trong bài này liền trong khoảng một niệm sanh lòng tin trong sạch. Subhuti! Như-Lai đều thấy, đều biết, những chúng-sanh đó đáng phước-đức vô-lượng dường ấy. Tại vì sao?

Vì những chúng-sanh đó không còn có tướng ngã (sa. Ātman, tự-ngã, bản ngã), không có tướng nhân (sa. pudgala, bổ-đặc-già-la, "cá nhân", "sĩ phu"), không có tướng chúng-sanh (sa. sattva), không có tướng thọ-giả (sa. jīva, thọ mệnh giả, chúng sanh có thọ mạng), không có tướng pháp, cũng không có tướng phi-pháp.

Tại vì sao? Vì những chúng-sanh đó, nếu trong lòng chấp tướng, thì chính là chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng-sanh, chấp thọ-giả (chúng-sanh có thọ mạng).

Nếu chấp tướng pháp, thì chính là chấp ngã, chấp nhân, chấp chúng-sanh, chấp thọ-giả, và vì nếu chấp tướng phi-pháp, thì cũng chính là chấp ngã, nhân, chúng-sanh, thọ-giả, vì thế cho nên, chẳng nên chấp pháp, và cũng chẳng nên chấp phi-pháp (non-dharma).

Cũng bởi nghĩa đó, Như-Lai thường dạy rằng: "Này, các Tỳ-kheo, các ông phải biết rằng, pháp của Ta nói ra đó, dù cũng như thuyền bè, đến pháp còn phải xả bỏ, huống hồ là phi-pháp!"

Subhuti addressed the Buddha, “World Honored One, will there be any sentient beings who give rise to true faith upon hearing this teaching?”

The Buddha said to Subhuti, “Do not even say such a thing. After my passing, in the last five hundred years [of the Dharma ending age], there will be those who observe the precepts and cultivate merit, who have faith that these are words of truth. You should know that these people have not merely cultivated the roots of virtue with one buddha, two buddhas, three, four, or five buddhas; they have cultivated all kinds of virtuous roots with hundreds of thousands, even countless numbers of buddhas.

Upon hearing these passages, Subhuti, some will, in an instant, give rise to pure faith. The Tathagata fully knows and fully sees these beings as they attain such countless merits. Why? It is because these sentient







beings are free from the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span. They are also free from the notions of dharms or non-dharms.

“Why? If the minds of these sentient beings cherish these notions, then they will cling to a self, a person, a sentient being, and a life span. If they cherish the notion of dharms, they will cling to a self, a person, a sentient being, and a life span. Why? If they cherish the notion of non-dharms, they will cling to a self, a person, a sentient being, and a life span. Therefore one should not cherish dharms or non-dharms. For this reason, the Tathagata often teaches: Bhiksus, know that my Dharma is like a raft. If even the correct teachings (Dharma) should be abandoned, how much more so the incorrect teachings (non-Dharma)?”

## 7) KHÔNG ĐẮC, KHÔNG THUYẾT NÓI - NO ATTAINMENT, NO TEACHING

Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có đắc được quả Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác chăng? Đức Như-Lai có nói pháp chăng?”

Ông Subhuti bạch rằng: “Nhu con hiểu ý nghĩa của Phật nói, thì không có pháp nhất định nào gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác (anuttara-samyak-sambodhi), cũng không có pháp nhất định nào mà đức Như-Lai có thể nói được. Bởi vì sao?”

Vì pháp của đức Như-Lai nói, đều không thể bắt nắm giữ, không thể diễn tả được. Chẳng phải pháp, chẳng phải “không-phải-pháp”. Tại vì sao? Vì tất cả Hiền-thánh, đều do nơi pháp vô-vi mà có khác biệt”.

“Subhuti, what do you think? Has the Tathagata attained unsurpassed complete enlightenment? And does he explain the Dharma?”

Subhuti said: “As I understand the meaning of what the Buddha has said, there is no fixed teaching called unsurpassed complete enlightenment. And there is also no fixed teaching that the Tathagata can convey. Why? The Dharma explained by the Tathagata cannot be grasped or explained. They are neither Dharms nor non-Dharms. How is this so? It is because all the saints and sages are distinguished by the Unconditioned Dharma.”

## 8) Y PHÁP XUẤT SINH - THEO PHÁP MÀ SINH, REAL MERIT HAS NO MERIT

“Subhuti! Ý Ông thế nào? Như có người đem bảy thứ châu báu, đầy cả cõi tam-thiên, đại-thiên, để bố-thí, phước-đức của người đó được có nhiều hay chăng?”

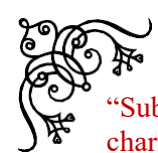
Subhuti bạch rằng: “Bạch đức Thế-Tôn, rất nhiều! Tại làm sao? Vì phước-đức đó, chính là không phải phước-đức thật, cho nên đức Như-Lai nói là nhiều phước-đức”.

“Còn như có người hiểu và thọ trì theo dù một bài kệ bốn câu trong kinh này v.v.. mới đến giảng nói lại cho người khác, thì công-đức này nhiều hơn công-đức trước. Bởi vì sao?”

Subhuti! Tất cả các đức Phật, và tất cả các pháp chư Phật giảng về Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác của các đức Phật, đều từ kinh này mà có ra.

Này Subhuti! Phật-pháp nói đó chính chẳng phải là Phật-pháp, mà gọi là Phật Pháp.





"Subhuti, what do you think? If a person fills a trichiliocosm with the seven jewels and gives them away in charity, wouldn't the merit attained by this person be great?"

Subhuti said, "Extremely great, World Honored One. Why? The nature of merit is empty; therefore the Tathagata says that this merit is great."

The Buddha said: "But if a person comprehends and follows even a four-line verse of this sutra, and teaches it to others, this person's merit would exceed that of the former example. Why? Subhuti, all buddhas and all of their teachings on unsurpassed complete enlightenment originate from this sutra. Subhuti, that which is called the Buddha Dharma is not the Buddha Dharma; therefore it is called the Buddha Dharma."

## 9) TƯỚNG VÔ TƯỚNG CỦA ALAHÁN - BỐN GIAI TRÌNH CỦA A LA HÁN, THE FOUR STAGES OF AN ARHAT

"Subhuti! Vị Tu-Đà-Hoàn (*srotapanna*) có thể tự nghĩ là mình đắc được quả Tu-Đà-Hoàn chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn, không thể được! Bởi vì sao? Vì vị Tu-Đà-Hoàn, gọi là bậc *Thắng-lưu* (Nhập-Lưu, stream-enterer), và chính không có gì để nhập vào; một người chẳng nhập vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp, được gọi là Tu-Đà-Hoàn".

"Subhuti! Ý Ông thế nào? Vị Tư-Đà-Hàm (*sakridagamin*) có thể tự nghĩ rằng mình được quả Tư-Đà-Hàm chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn không thể được! Bởi vì sao? Vì vị Tư-Đà-Hàm gọi là bậc *Nhất-Vãng-Lai* (Once-returner), thật sự không có đi và không có trở lại, đó gọi là Tư-Đà-Hàm".

"Subhuti! Ý Ông thế nào? Vị A-Na-Hàm (*anagamin*) có thể tự nghĩ rằng, mình được quả A-Na-Hàm chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn không thể được! Bởi vì sao? Vì vị A-Na-Hàm gọi là bậc *Bất-Lai* (Non-returner), thật sự không có bất-lai (no-return), cho nên gọi là A-Na-Hàm".

"Subhuti! Ý Ông thế nào? Vị A-La-Hán có thể tự nghĩ rằng, mình đắc được đạo A-La-Hán chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn không thể được! Bởi vì sao? Vì thật không có pháp chi gọi là A-La-Hán. Bạch đức Thế-Tôn! Nếu như vị A-La-Hán nghĩ thế này: Ta đắc được đạo (trí huệ) A-La-Hán, thì chính là còn chấp-trước tướng ngã, nhân, chúng-sanh, thọ-giả.

Bạch đức Thế-Tôn! Đức Phật nói rằng con đã thành-tựu "vô-tranh-biện tam-muội" (*samatha of non-contention*) bậc nhất trong mọi người, và là bậc nhất A-La-Hán ly-dục.

Bạch Thế-Tôn! Con không tác niệm rằng con là một A-La-Hán ly-dục.

Bạch đức Thế-Tôn! Nếu con tác niệm rằng mình đã đắc được đạo A-La-Hán, thì đức





Thế-Tôn đã chẳng nói rằng Subhuti là người thực hành A-Luyện-Nhã (*aranya*, abiding peacefully in non-contention). Subhuti thực sự không dựa (thực vô sở hành) trên bất cứ thực hành gì cả, do đó Subhuti được gọi là A-Luyện-Nhã.

“Subhuti, what do you think? Does a *srotapanna* have the thought: ‘I have attained the realization of the *Srotapanna*’?”

Subhuti said, “No, World Honored One. Why not? Because

‘*srotapanna*’ means ‘stream-enterer’, and there is in fact nothing to enter; one who does not enter into form, sound, smell, taste, touch, or dharmas is called a *srotapanna*.”

“Subhuti, what do you think? Does a *sakridagamin* have the thought, ‘I have attained the realization of the *sakridagamin*’?”

Subhuti said: “No, World Honored One. Why not? Although

‘*sakridagamin*’ means to go and come one more time, there is, in reality, no going and no coming. Therefore he is called a *sakridagamin*.”

“Subhuti, what do you think? Does an *anagamin* have the thought, ‘I have attained the realization of the *anagamin*’?”

Subhuti said, “No, World Honored One. Why not? ‘*anagamin*’ means non-returning [to the human world], but there is, in fact, no such thing as non-returning. Therefore he is called an *anagamin*.”

“Subhuti, what do you think? Does an *arhat* have the thought, ‘I have attained the realization of the *arhat*’?”

Subhuti said, “No, World Honored One. Why not? There is, in reality, no such a thing called ‘*arhat*.’ World Honored One, if an *arhat* should give rise to the thought, ‘I have attained the realization of the *arhat*’, this means that he is attached to the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span.

“World Honored One, you have said that of all people I am the foremost in attaining the samadhi of non-contention, and the foremost arhat in being free from desires. But I do not have the thought that I am an arhat who is free from desires.

World Honored One, if I give rise to the thought that I have attained arhatship, then you would not have said that Subhuti practices *aranya*—abiding peacefully in non-contention. In reality, Subhuti abides in nothing at all, therefore Subhuti is called one who abides peacefully in non-contention.”

## 10) TRANG NGHIỆM TỊNH THỔ - CHUYỂN SANG CỖ PHẬT, TRANSFORMATION TO A BUDDHA WORLD,

Đức Phật bảo ông Subhuti: "Ý Ông thế nào? Thuở xưa, khi Như-Lai học với đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng, đức Như-Lai có thọ nhận pháp nào chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Khi Như-Lai học với đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng, đức Như-Lai thật sự không có thọ nhận pháp nào."

"Này, Subhuti! Ý Ông thế nào? Bồ-tát có trang-nghiêm Phật thổ chăng?"

"Bạch đức Thế-Tôn! Không, tại vì sao? Vì trang-nghiêm Phật-thổ đó, chính chẳng phải trang-nghiêm, đó gọi là trang-nghiêm."

"Vì thế, Subhuti! các vị Bồ-tát đại Bồ-tát, phải sanh tâm thanh-tịnh không trụ vào sắc, thanh, hương, vị, xúc, và các hiện-tượng (pháp). Tri thức nên hành động mà không bị các trụ vào.

Này, Subhuti! Ví như có người, thân như núi Tu-Di, Ý ông thế nào? Thân của người đó có lớn chăng?"





Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất lớn. Bởi vì sao? Vì đức Phật dạy thân chẳng phải là thân, do đó mới được gọi là thân lớn."

The Buddha said to Subhuti, "What do you think? When the Tathagata studied under Dipankara Buddha, did he receive any Dharma?"

"No, World Honored One, when the Tathagata studied under Dipankara Buddha, he did not receive any Dharma."

"Subhuti, what do you think? Does a bodhisattva transform a world into a Buddha world?"

"No, he does not, World Honored One. Why not? One who transforms the world does not transform the world; that is to transform the world."

"And so, Subhuti, bodhisattvas and mahasattvas should give rise to a pure mind that is not attached to form, sound, smell, taste, touch, or dharmas. The mind should act without any attachments.

Subhuti, if there were a person with a body the size of Mt. Sumeru, what do you think? Wouldn't this body be huge?"

"Extremely huge, World Honored One. Why? The Buddha teaches us that a body is not a body, hence it is called a huge body."

## 11) PHÚC THẮNG NGHĨA ĐỂ VÔ VI - CÔNG ĐỨC CỦA KINH, MERITS OF THIS SUTRA

"Subhuti! Như trong một sông Hằng có bao nhiêu số cát, lại có những sông Hằng nhiều như số cát đó. Ý Ông thế nào? Số cát trong những sông-Hằng đó, chừng có nhiều chăng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều. Nội những sông-Hằng đã là nhiều vô-số rồi, huống nữa nhiều như là số cát trong (những) sông!"

"Này, Subhuti! Nay Ta nói thật mà bảo ông: Nếu có thiện nam, thiện nữ nào đem bảy thứ báu đầy cả ngàn ấy hằng hà sa số cõi Tam-thiên đại-thiên để làm việc bố-thí, người đó đặng phước có nhiều không?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều."

Đức Phật bảo ông Subhuti: "Nơi trong kinh này, nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, thọ-trì đến một bài kệ bốn câu v.v... và giảng nói cho người khác nghe, thì phước-đức này hơn phước-đức trước kia."

"Subhuti, what do you think? If there were as many Ganges Rivers as the grains of sand in the Ganges, wouldn't the amount of sand contained in all those Ganges Rivers be great?"

Subhuti said, "Extremely great, World Honored One. If even the number of the Ganges Rivers is innumerable, how much more so their grains of sand?"

"Subhuti, now I tell you truthfully: If a good man or good woman fills as many trichiliocosms as the grains of sand in all those Ganges Rivers with the seven jewels, and gives them away in charity, wouldn't this merit be great?"

"Extremely great, World Honored One."

The Buddha said to Subhuti: "If a good man or good woman is able to comprehend and follow a four-line verse of this sutra and teach it to others, their merit will be far greater."





## 12) TÔN TRỌNG CHÍNH GIÁO, CÔNG ĐỨC LẠ THƯỜNG NHẤT, THE MOST EXTRAORDINARY MERIT



Này Subhuti! Lại nữa, tùy chỗ nào giảng nói kinh này, đến một bài kệ bốn câu v.v... phải biết chỗ đó, tất cả Trời, Người, A-tu-La... trong đời, đều nên cúng dường như là tháp miếu thờ đức Phật. Huống nữa là, có người nào hay thọ-trì, đọc-tụng trọn cả kinh này!

Này Subhuti! Phải biết người ấy thành-tựu pháp tối-thượng, hy-hữu bậc nhất. Còn nếu kinh điển này ở tại chỗ nào, thì chỗ đó chính là có đức Phật, hoặc có hàng Đệ-tử được tôn-trọng của đức Phật."

"Furthermore, Subhuti, wherever one teaches or recites so much as a four-line verse of this sutra, that place should be venerated as a Buddha-shrine by heavenly beings, human beings, and asuras in this world. How much more so is the case where one can completely remember, comprehend, and follow this sutra! Subhuti, you should know that such a person has achieved the highest, rarest of accomplishments. Wherever this sutra is present, it is as if the Buddha and the Buddha's revered disciples were also present."

## 13) NHƯ PHÁP THỌ TRÌ, NAMING OF THE SUTRA

Bấy giờ, ông Subhuti bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Tên gọi kinh này là gì? Chúng con phải phụng-trì thế nào?"

Đức Phật bảo ông Subhuti rằng: "Kinh này tên là Kim-Cang Trí Huệ Toàn Hảo Bát-Nhã Ba-La-Mật, ông nên theo danh-tự ấy mà phụng-trì. Bởi vì sao?

Này Subhuti, đức Phật nói Trí Huệ Toàn Hảo Bát-nhã Ba-la-mật, chính chẳng phải Trí Huệ Toàn Hảo Bát-nhã ba-la-mật, đó gọi là Trí Huệ Toàn Hảo Bát-nhã Ba-la-mật.

Subhuti! Ý Ông thế nào? Như-Lai có chỗ nào nói pháp chẳng?"

Ông Subhuti bạch Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Đức Như-Lai không có chỗ nào nói pháp".

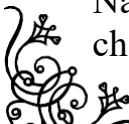
"Subhuti! Ý Ông thế nào? Bao nhiêu vi-trần (đơn vị siêu nhỏ bé, tiny particle) trong cõi tam-thiên, đại-thiên, thế là nhiều chẳng?"

Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều".

"Này Subhuti! Những vi-trần ấy, đức Như-Lai nói chẳng phải vi-trần, đó gọi là vi-trần.

Đức Như-Lai nói thế-giới cũng chẳng phải thế-giới, chỉ gọi là thế-giới.

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Có thể do ba-mươi-hai tướng mà thấy Như-Lai chẳng?"







"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Chẳng có thể do ba-mươi-hai tướng mà thấy được Như-Lai.

Bởi vì sao? Đức Như-Lai nói ba-mươi-hai tướng chính chẳng phải tướng, đó chỉ gọi tên là ba-mươi-hai tướng."

"Subhuti! Như có thiện-nam, thiện-nữ nào, đem thân-mạng bằng số cát sông Hằng ra bố-thí. Nếu lại có người giữ theo trong kinh này, mà thọ-trì dù chỉ những một bài kệ bốn câu v.v..., mà giảng nói cho người khác nghe, thì phước của người này nhiều hơn người trên."

Then Subhuti addressed the Buddha, "World Honored One, what should we call this sutra, and how should we uphold it?"

The Buddha said to Subhuti: "This sutra is called the Diamond of Perfect Wisdom. You should revere this title and practice the sutra accordingly. Why? Subhuti, the Buddha teaches that '*prajna paramita*' (perfection of wisdom) is not *prajna paramita*. Therefore it is called *prajna paramita*. Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have any Dharma to teach?"

Subhuti said to the Buddha, "World Honored One, the Tathagata has nothing to teach."

"Subhuti, what do you think? Are all the tiny particles contained in this trichiliocosm great in number?"

Subhuti said, "Extremely great, World Honored One."

"Subhuti, the Tathagata teaches that tiny particles are not tiny particles. Therefore they are called tiny particles. The Tathagata teaches that worlds are not worlds. Therefore they are called worlds. Subhuti, what do you think? Can the Tathagata be recognized by means of his thirty-two physical attributes?"

"No, he cannot, World Honored One. One cannot recognize the Tathagata by means of his thirty-two physical attributes. Why not? Because the Tathagata teaches that the thirty-two physical attributes are in fact not real attributes. Therefore they are called the thirty- two physical attributes."

"Subhuti, if a good man or good woman dedicates lifetimes as numerous as the grains of sand in the Ganges River to charitable acts, and another comprehends and follows even a four-line verse of this sutra and taught it to others, the merits gained by the latter would far exceed that of the former."



## 14) LY TƯỚNG TỊNH DIỆT, A MIND WITHOUT ATTACHMENTS

Bấy giờ, ông Subhuti nghe đức Phật nói kinh này, thì ông hiểu thấu nghĩa lý thâm sâu của kinh, nên ông cảm động khóc, rơi nước mắt mà bạch với đức Phật rằng:

"Hi-hữu thay, đức Thế-Tôn! Đức Phật nói kinh điển rất sâu xa đường ấy, từ ngày trước khi đạt được huệ-nhãn đến nay, con chưa từng được nghe kinh điển như thế này.





*"Bạch đức Thế-Tôn! Nếu lại có người được nghe kinh này, mà có lòng tin thanh-tịnh, thì chính là sanh thực-tướng. Phải biết người ấy thành-tựu công-đức hi-hữu bậc nhất.*

*Bạch đức Thế-Tôn! Thực-tướng đó chính chẳng phải thực-tướng, cho nên đức Như-Lai gọi là thực tướng.*

*Bạch đức Thế-Tôn! Nay con được nghe kinh-điển như thế này, con tin hiểu, thọ trì, cũng chẳng phải là chuyện khó làm.*

Nếu khoảng năm-trăm năm về sau ở đời tương-lai, mà có chúng-sanh nào được nghe kinh này, rồi tin hiểu thọ-trì, thì người ấy chính là hi-hữu bậc nhất.

Bởi vì sao? Người ấy không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng-sanh, không có tướng thọ-giả.

Vì sao thế? Vì tướng ngã chính là không phải tướng, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, chính là không phải tướng!

Bởi vì sao? Vì rời lìa tất cả tướng, chính đó gọi là chư Phật".

Đức Phật bảo ông Subhuti: "Đúng thế! Đúng thế! Lại như có người được nghe kinh này mà lòng không kinh-hãi, không e sợ, không nhút-nhát, thì phải biết, người đó rất là hi-hữu. Bởi vì sao?

Này Subhuti! Như-Lai nói môn Ba-la-mật thứ nhất chính chẳng phải môn Ba-la-mật thứ nhất, đó gọi là môn Ba-la-mật thứ nhất.

Subhuti! Môn Nhẫn-nhục Ba-la-mật, Như-Lai nói đó chẳng phải Nhẫn-nhục Ba-la-mật, mà gọi là Nhẫn-nhục Ba-la-mật. Bởi vì sao?

Này Subhuti! Như Ta thuở xưa, bị vua Kalinga Ca-Lợi chặt đứt thân thể. Trong lúc đó, Ta không có tướng ngã, không có tướng nhân, không có tướng chúng-sanh, không có tướng thọ-giả. Vì sao vậy? Vì thuở xưa, trong lúc thân phận bị chặt rời rã đó, nếu Ta còn có tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, thì Ta đã khởi lòng hờn-giận.

Này Subhuti! Ta lại nhớ hồi thuở quá-khứ, trong năm trăm đời, Ta làm vị Tiên Nhẫn-nhục (*rishi of tolerance*). Trong bao nhiêu đời đó, Ta không tướng ngã, không tướng nhân, không tướng chúng-sanh, không tướng thọ-giả.

Subhuti! Vì thế nên, Bồ-tát phải rời lìa tất cả tướng, phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác. Chẳng nên trụ vào sắc mà phát tâm, chẳng nên trụ vào thanh, hương, vị, xúc, pháp, mà sanh tâm. Nên sanh tâm không trụ vào đâu cả.

Nếu như tâm còn có chỗ để trụ, thì chính là chẳng phải trụ, cho nên đức Phật nói, tâm của Bồ-tát chẳng nên trụ vào sắc mà bố-thí.

Này Subhuti! Bồ-tát vì lợi-ích cho tất cả chúng-sanh, nên phải bố-thí như thế.





Đức Như-Lai nói tất cả các tướng chính là không phải tướng, lại nói tất cả chúng-sanh chính là chẳng phải chúng-sanh.



(English p. 27)

Upon hearing this sermon, Subhuti was moved to tears, having deeply understood its meaning and significance. He said to the Buddha:

“How remarkable, World Honored One! You have taught us such a profound sutra. Even though I have long attained the Wisdom Eye, I have never heard such a teaching before.

World Honored One, if someone who hears this sutra gives rise to pure faith, and thus perceives the true nature of reality, we should know that this person has achieved the most extraordinary virtue.

World Honored One, the true nature of reality is empty. This is what the Tathagata calls the true nature of reality.

“World Honored One, having just heard this sutra, I have no difficulty in believing, comprehending, and following it.

But in the ages to come, in the last five hundred years, if there are sentient beings who hear this sutra, believe, comprehend, and follow it, they will be most remarkable beings. Why? These beings do not abide in the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span. Why? Because a self is not a self. The appearances of a person, a sentient being, and a life span are likewise illusory. Why? Those who relinquish all appearances and notions are called buddhas.”

The Buddha said to Subhuti: “So it is, so it is. You should know that if someone who hears the teaching of this sutra is neither shocked, frightened, nor disturbed, this person is extremely rare. And why?

“Subhuti, the Tathagata says that the foremost paramita is not the foremost paramita. Therefore it is called the foremost paramita. Subhuti, the Tathagata teaches that tolerance paramita is not tolerance paramita. Therefore it is called tolerance paramita. Why?

“Subhuti, in a former lifetime my body was mutilated by King

Kalinga. At that time, I had no notions of a self, a person, a sentient being, or a life span. Why not? If I had held to the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span, when my body was dismembered limb after limb, I would have given rise to feelings of resentment and hatred.

“Subhuti, I also recall that for five hundred lifetimes I was a *rishi* of tolerance. At that time, I was also free from the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span. Therefore, Subhuti, bodhisattvas should relinquish all appearances and notions in their resolve to attain unsurpassed complete enlightenment. They should not give rise to any thought attached to form, sound, smell, taste, touch, or dharma. They should give rise to a mind without any attachments. Any attachment of the mind is errant. Therefore the Buddha says that a bodhisattva should practice charity with a mind unattached to form. Subhuti, to benefit all sentient beings, a bodhisattva should practice charity in this way.

The Tathagata teaches that all appearances and notions are not appearances and notions, and that all sentient beings are not sentient beings.

Này Subhuti! Như-Lai là bậc nói lời chân-chánh, lời chắc-thật, lời đúng-đắn, lời không dối-trá, lời không dối-khác.

Này Subhuti! Pháp của Như-Lai chúng đăng, pháp ấy, không thật, không hư dối.

Này Subhuti! Nếu tâm của Bồ-tát trụ vào pháp mà làm việc bố-thí, thì như người vào chỗ tối-tăm, liền không thấy được gì cả.

Nếu tâm của Bồ-tát, không trụ vào pháp mà làm việc bố-thí, thì như người có mắt sáng, lại có ánh-sáng của mặt-trời chiếu đến liền thấy các thứ hình-sắc.

Này Subhuti! Về đời tương-lai, nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, có thể thọ-trì, đọc tụng kinh này, liền được đức Như-Lai dùng trí-huệ của Phật, đều biết rõ người ấy, đều thấy rõ người ấy, người ấy sẽ được thành-tựu công-đức vô-lượng, vô-biên.

“Subhuti, what the Tathagata speaks is true, real, and as it is. His words are neither deceptive nor contradictory.

Subhuti, the Truth that the Tathagata has attained is neither real nor unreal.

Subhuti, if a bodhisattva practices charity with attachments, he is like a person in the dark who cannot see





anything.

If a bodhisattva practices charity without any attachments, he is like a person under the bright sun with eyes open, seeing all things clearly.

“Subhuti, if in a future time there are good men and women who are able to recite, remember, comprehend, and follow this sutra, the Tathagata, with his Buddha-wisdom, will clearly perceive and recognize each one of them as they all achieve immeasurable and infinite virtues.”

## 15) CÔNG ĐỨC TRÌ KINH - KINH LÀ PHƯƠNG TIỆN CHUYỀN CHỖ TUYỆT ĐỈNH, THE SUTRA IS A SUPREME VEHICLE

Này Subhuti! Nếu có thiện-nam, thiện-nữ nào, vào khoảng buổi sáng, đem thân-mạng mình nhiều như số cát sông Hằng để bố-thí, vào khoảng buổi trưa, lại đem thân-mạng bằng số cát sông Hằng để bố-thí, vào khoảng buổi chiều cũng đem thân-mạng mình nhiều như số cát sông Hằng để bố-thí; trong vô-lượng trăm-ngàn muôn-ức kiếp, đem thân mạng bố-thí như thế.

Lại như có người nào, nghe kinh điển này mà sanh lòng-tin không trái, thì phước của người này, hơn phước của người trước kia, huống chi là biên-chép, thọ-trì, đọc-tụng, nói cho người khác nghe!

Này Subhuti! Tóm tắt mà nói đó, thì kinh này có vô-biên công-đức không thể nghĩ bàn, không thể cân lường được. Đức Như-Lai vì người phát-tâm đại-thừa mà nói, vì người phát-tâm tối-thượng-thừa mà nói.

Như có người nào, có thể thọ-trì, đọc-tụng, giảng nói rộng ra cho người khác nghe, thì đức Như-Lai đều biết rõ người ấy, đều thấy rõ người ấy, và người ấy được thành-tựu công-đức không thể đếm lường được, không thể đo được, không có giới hạn, không thể nghĩ bàn được.

Những người như thế, chính là người gánh vác pháp Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác của đức Như-Lai.

Bởi vì sao? Này Subhuti! Vì nếu người nào ham-ura pháp tiểu-thừa, chấp-trước tướng ngã, tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả, thì ở nơi kinh này, người ấy không thể nghe-nhận, đọc tụng và giảng-nói cho người khác nghe được.

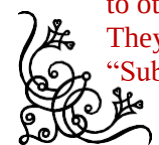
Này Subhuti! Nếu những nơi-chỗ nào mà có kinh này, thì tất cả Trời, người, A-tu-la..., trong đời đều nên cúng-dường. Phải biết chỗ đó chính là tháp thờ đức Phật, đều phải cung kính lễ lạy, đi nhiễu quanh, đem các món hoa-hương mà rải trên chỗ đó.

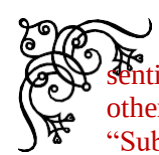
“Subhuti, if a good man or good woman renounces their life for charity in the morning as many times as there are grains of sand in the Ganges, and does likewise at noon and in the evening, continuing thus for immeasurable hundreds of thousands of millions of kalpas;  
and if someone else hears this teaching and gives rise to unwavering faith, the merit of the latter would far exceed that of the former. How much more the merit of those who transcribe, recite, remember, follow, and explain this sutra to others!

“In summary, Subhuti, this sutra carries inconceivable, immeasurable, limitless virtue, and the Tathagata teaches it for the benefit of the aspirants of the great vehicle, and the aspirants of the supreme vehicle. The Tathagata will know and see those, who are able to recite, remember, follow, and widely teach this sutra to others, as achieving innumerable, immeasurable, limitless, and inconceivable virtues.

They carry on the work of the Tathagata in bringing beings to unsurpassed complete enlightenment. Why?

“Subhuti, those who are content with inferior teachings are attached to the views of a self, a person, a





sentient being, and a life span. Such people are not able to hear, recite, remember, and explain this sutra to others.

“Subhuti, wherever this sutra is present, all the heavenly and human beings and asuras in all the worlds should come and make offerings. You should know that its presence is equivalent to a pagoda that all should venerate and pay homage to, by circumambulating or scattering flowers and incense around its grounds.”

## 16) NẮNG TỊNH NGHIỆP CHƯỞNG, PURGATION OF BAD KARMA

Lại nữa, này Subhuti! Như có thiện nam, thiện nữ nào, thọ-trì, đọc-tụng, kinh này, lại bị người khác chê bai, phỉ báng; thì những nghiệp-tội đã gây ra trong đời trước, người ấy đáng lẽ sẽ phải đọa vào ác-đạo, nhưng bởi trong đời nay, bị người khác chê bai, phỉ báng, nên tội-nghiệp đã gây ra trong đời trước đó, liền được tiêu-diệt, người ấy sẽ đắc đạo Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác (*unsurpassed complete enlightenment*).

Này Subhuti! Ta nhớ lại hồi thuở trước đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng ra đời, vô-lượng vô-số kiếp về quá-khứ, Ta đã gặp đặng tám-trăm bốn-ngàn vạn-ức (*na-do-tha*) nayuta các đức Phật, và với vị nào lúc ấy Ta thấy đều hầu-cận, cúng-dường.

Về đời mạt-thế sau này, nếu có người hay thọ-trì, đọc-tụng kinh này, thì công-đức của những người ấy có được, nếu đem so sánh với công-đức của Ta cúng-dường các đức Phật trong thuở trước, thì công-đức của Ta sánh không bằng một phần trăm, một phần nghìn, (một phần) vạn, (một phần) ức, cho đến tính đếm thí-dụ về toán số đều chẳng bằng được.

Này Subhuti! Về đời mạt-thế sau này, nếu có Thiện-nam, thiện-nữ nào, thọ-trì, đọc-tụng, kinh này, công-đức của những người đầy đạt được lớn cho đến nỗi, nếu Ta nói đủ hết, hoặc có kẻ nghe thì trong lòng liền cuồng-loạn, nghi-ngờ, không tin.

Này Subhuti! Phải biết rằng, vì nghĩa-lý của kinh này chẳng thể nghĩ-bàn được, nên quả-báo cũng không thể nghĩ-bàn được!"

“Furthermore, Subhuti, if there are good men or women who recite, remember, comprehend, and follow this sutra, but are belittled by others, it is because of their previous evil karma, which would cause them to be reborn in the wretched destinies. But now, by enduring the disparagement of others, this previous bad karma is eradicated, and they will eventually attain unsurpassed complete enlightenment.

“Subhuti, I remember that countless kalpas ago, before the time of Dipankara Buddha, I have encountered 84,000 billion nayutas of buddhas, made offerings to, and served all of them without fail.

However, if someone in the Dharma-ending age can recite, remember, comprehend, and follow this sutra, this person's virtue will be one hundred times, even a hundred trillion times greater than mine when I made offerings to all these buddhas. In fact, no such comparison either by calculation or analogy is possible.

“Subhuti, if I fully reveal the virtue attained by good men and good women in the Dharma-ending age who recite, remember, comprehend, and follow this sutra, some people, upon hearing it, would become suspicious, skeptical, even bewildered. Subhuti, you should know that the underlying meaning of this sutra is inconceivable, and its rewards are also inconceivable.”





*Bấy giờ, ông Subhuti bạch với đức Phật: "Bạch đức Thế-Tôn! Thiện-nam, thiện-nữ, phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, phải trụ-tâm như thế nào? Phải hàng-phục tâm mình như thế nào?"*

Đức Phật bảo ông Subhuti: "Thiện-nam, thiện-nữ, phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác đó, thì phải sanh-tâm như vậy: Ta phải diệt-độ tất cả chúng-sanh, diệt-độ tất cả chúng-sanh xong, mà không có một chúng-sanh nào thực diệt-độ. Tại sao không?

Này Subhuti! Nếu Bồ-tát mà còn có tướng ngã; tướng nhân, tướng chúng-sanh, tướng thọ-giả thì chính là chẳng phải Bồ-tát.

Vì có sao? Này Subhuti! Vì thực không có pháp gì gọi là phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác để mà phát tâm.

Này Subhuti, Ý ông thế nào? – Ở nơi chỗ đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng thì Như Lai có pháp đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác chăng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Không, như cách con hiểu nghĩa-lý của lời Phật dạy, thì ở nơi đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng, Đức Thế Tôn đã không có pháp gì sở đắc gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác cả."*

Đức Phật dạy rằng: "Đúng thế! Đúng thế! Này Subhuti! Thật không có pháp gì đức Như-Lai đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Này Subhuti! Nếu còn có pháp nào mà đức Như-Lai đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác (anuttara-samyak-sambodhi), thì đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng đã không thọ-ký cho Ta rằng: "Ông ở đời sau sẽ đắc thành Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni."

Bởi thật không có pháp chi để đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, cho nên đức Phật Dipankara Nhiên-Đăng đã thọ ký cho Ta, mà nói lời này:

"Ông ở đời sau sẽ đắc thành Phật hiệu là Thích-Ca Mâu-Ni." Bởi vì sao?

Vì Như-Lai có nghĩa là chính các pháp như nghĩa *Chân-Như-Của-Các-Pháp*.

Nếu có người nói rằng: Đức Như-Lai đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Này Subhuti! Thật ra không có pháp chi mà đức Phật đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Này Subhuti! Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác mà Như-Lai đắc được, trong đó không thực, không hư, vì thế Như-Lai nói, tất cả pháp đều là Phật-pháp.

Này Subhuti! Tất-cả pháp mà đức Phật nói đó, chính chẳng phải 'tất-cả pháp', cho nên gọi là 'tất-cả pháp'.

Này Subhuti! Ví như thân người to lớn."



Ông Subhuti bạch rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Đức Như-Lai nói thân người to lớn, chính là chẳng phải thân lớn, đó gọi là thân lớn".

"Này Subhuti! Bồ-tát cũng như thế. Nếu nói lời như vậy: Ta đang diệt-độ vô-lượng chúng-sanh, thì vị đó không gọi là bậc Bồ-tát. Bởi vì sao?

Này Subhuti! Thật không có pháp chi gọi là Bồ-tát.

Vì thế, Như Lai nói tất cả pháp đều không ngã, không nhân, không chúng-sanh, không thọ-giả.

Này Subhuti! Nếu Bồ-tát nói như thế này: Ta phải trang-nghiêm (thế-giới thành) Phật-thổ, thì vị ấy không gọi là bậc Bồ-tát. Bởi vì sao?

Vì Như-Lai nói (người làm thế-giới thành) trang-nghiêm Phật-thổ đó, chính chẳng phải (người làm thế-giới thành) trang-nghiêm, đó gọi là (người làm thế-giới thành) trang-nghiêm.

Này Subhuti! Nếu Bồ-tát thông-đạt được pháp vô-ngã, không-pháp đó, thì Như-Lai gọi thực-phải-bậc Bồ-tát.

Then Subhuti addressed the Buddha, "World Honored One, if good men and good women resolve to attain unsurpassed complete enlightenment, how should they abide their mind, and how should they subdue their thoughts?"

The Buddha said to Subhuti: "Good men and good women who resolve to attain unsurpassed complete enlightenment should think like this: 'I will liberate all sentient beings by bringing them to nirvana.' Yet when all sentient beings have been liberated, not a single sentient being has actually attained nirvana. Why not?"

"Subhuti, if bodhisattvas abide in the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span, they are not bodhisattvas. Why? Subhuti, there is actually no resolve for the attainment of unsurpassed complete enlightenment.

"Subhuti, what do you think? When the Tathagata met Dipankara Buddha, did he obtain anything in order to realize unsurpassed complete enlightenment?"

"No, World Honored One. As I understand the meaning of your teaching, when you met Dipankara Buddha, there was nothing to obtain for the realization of unsurpassed complete enlightenment."

The Buddha said, "So it is, Subhuti, so it is. There is indeed nothing that can produce the unsurpassed complete enlightenment of the Tathagata.

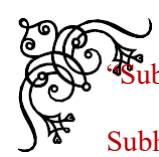
Subhuti, if there were something that could produce the unsurpassed complete enlightenment of the Tathagata, Dipankara Buddha would not have foretold, 'You will attain Buddhahood in the future, with the name Shakyamuni.'

It is precisely because there is actually nothing to be obtained in unsurpassed complete enlightenment that Dipankara Buddha foretold, 'You will attain Buddhahood in the future, with the name Shakyamuni.' Why? This is because '*tathagata*' means 'all phenomena (dharma) as they really are.'

If someone says that the Tathagata attained unsurpassed complete enlightenment, Subhuti, there is in fact, nothing to attain in the Buddha's unsurpassed complete enlightenment.

"Subhuti, the unsurpassed complete enlightenment attained by the Tathagata is neither real nor unreal. Therefore the Tathagata teaches that all dharmas are the Buddha Dharma. Subhuti, the so-called 'all dharmas' are not dharmas at all. Therefore they are called 'all dharmas.'





“Subhuti, take the example of a person with an immense, perfect body.”

Subhuti said, “World Honored One, the person with the immense, perfect body has no such body; therefore it is called an immense, perfect body.”

“Subhuti, so it is with a bodhisattva. If someone says, ‘I will bring countless sentient beings to nirvana,’ then he is not a bodhisattva. Why?

Subhuti, there is actually no such thing called a bodhisattva. Therefore the Buddha says that all phenomena are free from the ideas of a self, a person, a sentient being, or a life span.

Subhuti, if a bodhisattva says ‘I will transform the world into a Buddha world,’ then he is not a bodhisattva. Why? The Tathagata teaches that one who transforms the world is not the one who transforms the world. That is to transform the world. Subhuti, if a bodhisattva realizes the Dharma of non-self, the Tathagata says this is a real bodhisattva.”

## 18) NHẤT THỂ ĐỒNG QUÁN - TẤT CẢ Ý TƯỞNG VÔ HÌNH KHÔNG THỂ SỜ, ALL THOUGHTS ARE INTANGIBLE

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt thịt nhục nhãn chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế, đức Như-Lai có mắt thịt nhục-nhãn."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt thiên chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Đức Như-Lai có mắt thiên."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt huệ chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Đức Như-Lai có mắt huệ."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt pháp chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Đức Như-Lai có mắt pháp."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Đức Như-Lai có mắt Phật chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Đức Như-Lai có mắt Phật."*

"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Như tất cả cát trong sông Hằng, đức Phật nói là cát chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế, đức Như-Lai nói là cát."*

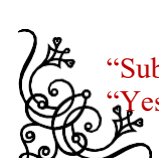
"Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Ví như tất cả cát trong một sông Hằng, thì cũng có số những sông Hằng, bằng số cát như thế, cõi Phật như bao nhiêu số cát trong những-sông-Hằng đó, như thế cõi Phật có nhiều chẳng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều!"*

Đức Phật bảo ông Subhuti: " Bao nhiêu thứ tâm-niệm của tất cả chúng-sanh trong ngàn ấy cõi nước, đức Như-Lai đều biết rõ. Bởi vì sao?

Vì đức Như-Lai nói các thứ tâm đều là chẳng-phải-tâm, đó gọi là tâm. Vì có sao thế?

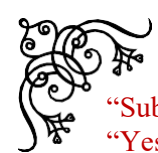
Này Subhuti! Tâm quá-khứ không thể đắc, tâm hiện-tại không thể đắc, tâm vị-lai không thể đắc.



“Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the physical eye?”

“Yes, World Honored One. The Tathagata has the physical eye.”





“Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the divine eye?”

“Yes, World Honored One, the Tathagata has the divine eye.”

“Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the wisdom eye?”

“Yes, World Honored One, the Tathagata has the wisdom eye.”

“Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the Dharma eye?”

“Yes, World Honored One. The Tathagata has the Dharma eye.”

“Subhuti, what do you think? Does the Tathagata have the Buddha eye?”

“Yes, World Honored One. The Tathagata has the Buddha eye.”

“Subhuti, what do you think? Does the Buddha consider all the sand in the Ganges River as sand?”

“Yes, World Honored One, the Tathagata calls it ‘sand.’” “Subhuti, what do you think? If there were as many Ganges Rivers as there are grains of sand in the Ganges River, and there were a Buddha world for each grain of sand of all those rivers, would the number of those Buddha worlds be great?” “Great indeed, World Honored One.”

The Buddha said to Subhuti: “The Tathagata is fully aware of the thoughts of each sentient being dwelling in all these Buddha worlds. How is it so? The Tathagata says all these thoughts are not thoughts. Therefore they are called thoughts. Why, Subhuti? Because past thoughts are intangible, present thoughts are intangible, and future thoughts are intangible.”

## 19) PHÁP GIỚI THÔNG HÓA - KHÔNG CÔNG ĐỨC LÀ CÔNG ĐỨC LỚN, NO MERIT IS GREAT MERIT

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Như có người đem bảy thứ báu, đầy cả cõi tam-thiên đại-thiên để dùng bố-thí. Do nhân-duyên như thế, người ấy có được phước, có nhiều chăng?”

*"Bạch đức Thế-Tôn! Đúng thế. Người đó, do nhân-duyên ấy, được phước rất nhiều."*

"Này Subhuti! Nếu dùng phước-đức là có, hữu-vi, thì đức Như-Lai chẳng nói là được phước-đức nhiều. Do vì phước-đức là không, vô-vi, nên đức Như-Lai mới nói là được phước-đức nhiều."

“Subhuti, what do you think? If a person fills all the worlds of the trichiliocosm with the seven jewels and gives them all away in charity, wouldn't this person's merit be great?”

“Yes, World Honored One, this person's merit from such an act would be extremely great.”

“Subhuti, if this merit were real, the Tathagata would not say that there is great merit. It is because this merit is non-existent that the Tathagata says that the merit is great.”

## 20) Y SẮC LY TƯỚNG - CÁC THUỘC-TÍNH VẬT-LÝ SIÊU-VIỆT, TRANSCENDING PHYSICAL ATTRIBUTES

"Này Subhuti! Nơi ý ông thế nào? Có thể do nơi sắc thân mãn-túc đầy đủ mà thấy được Như-Lai chăng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Chẳng nên do nơi sắc thân mãn-túc đầy đủ mà thấy được đức Như-Lai."*

*Bởi vì sao? Vì đức Như-Lai nói sắc thân mãn-túc đầy đủ, nhưng chẳng phải sắc thân*





mãn-túc đầy đủ, đó gọi là sắc thân mãn-túc đầy đủ."

"Này Tu-Bồ-Đề! Ý ông thế nào? Có thể do các tướng mãn-túc đầy đủ, mà thấy được đức Phật chăng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Chẳng nên do các tướng mãn-túc đầy đủ (perfect attributes) mà thấy được đức Như-Lai. Bởi vì sao?"*

*Vì đức Như-Lai nói các tướng mãn-túc đầy đủ, chính chẳng phải các tướng mãn-túc đầy đủ, đó gọi là các tướng mãn-túc đầy đủ."*

(English p. 39)

"Subhuti, what do you think? Can the Buddha be recognized by means of his perfect physical body?"

"No, World Honored One. The Tathagata cannot be recognized by means of his perfect physical body. Why? The Tathagata teaches that a perfect physical body is not a perfect physical body, hence it is called a perfect physical body."

"Subhuti, what do you think? Can the Tathagata be recognized by means of his perfect attributes?"

"No, World Honored One. The Tathagata cannot be recognized by means of his perfect attributes. Why? The Tathagata teaches that 'perfect attributes' are actually not perfect attributes. Therefore they are called perfect attributes."

## **21) PHI THUYẾT SỞ THUYẾT, KHÔNG NÓI ĐIỀU CÓ THỂ NÓI – KHÔNG CÓ PHÁP ĐỀ GIẢNG, THERE IS NO DHARMA TO TEACH**

"Này Subhuti! Ông chớ nói rằng Như-Lai tác-niệm thế này: Ta có thuyết pháp, ông đừng tác-niệm như thế. Bởi vì sao?"

Vì nếu người nào nói rằng: Đức Như-Lai có pháp sở thuyết, vậy là báng Phật, không thể hiểu lời Phật thuyết.

Này Subhuti! Thuyết pháp đó chính thực không có pháp chi nói được, đó gọi là thuyết pháp."

*Bấy giờ, Subhuti huệ-mạng bạch đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Trong thời vị-lai, chùng có chúng-sanh nào nghe nói pháp này mà sanh lòng-tin chăng?"*

Đức Phật dạy rằng: "Này Subhuti! Chúng-sanh kia chẳng phải chúng-sanh, cũng chẳng phải là không-phải-chúng-sanh.

Bởi vì sao? Này Subhuti! Những chúng-sanh đó (sanh ra nhiều kiếp), Như-Lai nói chẳng phải chúng-sanh, do đó được gọi là chúng-sanh".

"Subhuti, do not think that the Tathagata holds the thought 'I have something to teach.' Do not even think such a thing. Why not? Whoever says that the Tathagata has a Dharma to teach slanders the Buddha, because he does not understand my teaching. Subhuti, in teaching the Dharma there is no Dharma to teach. This is called teaching the Dharma."







Then the wise Venerable Subhuti said to the Buddha: “World Honored One, will there be sentient beings in the future [during the Dharma ending age] who will generate faith upon hearing these teachings?”

The Buddha said: “Subhuti, they are neither sentient beings nor non-sentient beings. Why? Subhuti, the Tathagata teaches that sentient beings, who go through many births, are not sentient beings. Therefore they are called sentient beings.”

## 22) VÔ PHÁP KHẢ ĐẮC - KHÔNG CÓ PHÁP NÀO CÓ THỂ ĐẮC, NO ATTAINMENT IS SUPREME ENLIGHTENMENT

*Ông Subhuti bạch với đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Đức Phật đắc được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác chính là không đắc được chăng?"*

Đức Phật dạy rằng: "Đúng thế! Đúng thế! Này Subhuti! Ta ở nơi Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác, đến không có chút pháp chi có thể gọi là đắc được đó mới gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác".

(English p. 41)

Subhuti said to the Buddha: “World Honored One, when the Buddha attained unsurpassed complete enlightenment, was nothing actually attained?”

The Buddha said, “So it is, Subhuti, so it is. As to unsurpassed complete enlightenment, I have not attained the slightest thing. This is why it is called unsurpassed complete enlightenment.”

## 23) TỊNH TÂM HÀNH THIỆN - TẤT CẢ PHÁP BẰNG NHAU, ALL DHARMAS ARE EQUAL

Lại nữa, này Subhuti! Pháp bình đẳng, không có cao thấp, đó gọi là Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Do vì không ngã, không nhân, không chúng-sanh, không thọ-giả, mà tu tất cả pháp lành, liền được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác.

Này Subhuti! Pháp lành đã nói đó Như-Lai nói chính chẳng phải pháp lành đó gọi là pháp lành.

“Furthermore, Subhuti, all dharmas are equal, none is superior or inferior. This is called unsurpassed complete enlightenment.

When one cultivates all good without the notions of a self, a person, a sentient being, or a lifespan, one attains unsurpassed complete enlightenment.

Subhuti, the Tathagata teaches that good is not good, therefore it is good.”





## 24) PHÚC TRÍ VÔ BỈ - KHÔNG THỂ SO SÁNH CÔNG ĐỨC TRUYỀN KINH, THE MERITS OF TRANSMITTING THE SUTRA



Này Subhuti! Như trong cõi tam-thiên, đại-thiên, có bao nhiêu núi Tu-Di, nếu có người góp cả bảy thứ báu lại, bằng những núi Tu-Di đó, đem dùng mà bố-thí. Nơi *Kinh Kim Cương Của Trí Huệ Toàn Hảo Bát-Nhã Ba-La-Mật* này đến một bài kệ bốn câu v.v... nếu có người thọ trì, đọc-tụng, rồi đem giảng cho người khác nghe, thì phước-đức của người bố-thí trước, sánh không bằng một phần trăm, (một phần) nghìn, (một phần) vạn, (một phần) ức, cho đến tính đếm thí-dụ toán số đều chẳng bằng được.

(English p. 42)

“Subhuti, if a person accumulates the seven jewels into mounds equivalent to all Mt. Sumerus in the worlds of a trichiliocosm and gives them away in charity, and another person recites, remembers, followed, and teaches this prajna paramita sutra or even a four-line verse of this sutra to others, the merit of the former would not be a hundredth, or even a billionth, of that of the latter. In fact, the merit of the latter would be so great that no comparison, by calculation or by analogy, could possibly be made.”

## 25) HÓA VÔ SỞ HÓA - KHÔNG CÓ CHÚNG SINH ĐỂ GIẢI THOÁT, THERE ARE NO BEINGS TO LIBERATE

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Các ông chớ cho rằng Như-Lai tác-niệm như vậy: ‘Ta phải hóa-độ chúng-sanh.’

Này Subhuti! Ông đừng tác-niệm như thế. Bởi vì sao? Vì thật không có chúng-sanh nào để cho Như-Lai hóa-độ cả.

Nếu có chúng-sanh để cho Như-Lai hóa-độ, thì Như-Lai còn có tướng ngã, (tướng) nhân, (tướng) chúng-sanh, (tướng) thọ-giả.

Này Subhuti! Như-Lai nói có ngã đó chính chẳng phải có ngã, mà kẻ phàm-phu lại cho là có ngã.

Này Subhuti! Kẻ phàm-phu đó, Như-Lai nói chẳng phải là phàm-phu, đó gọi là phàm-phu.

“Subhuti, what do you think? You should not claim that the Tathagata has the thought, ‘I will liberate sentient beings.’

Subhuti, do not have such a thought. Why? There are in fact no sentient beings for the Tathagata to liberate. If there were sentient beings liberated by the Tathagata, it would mean that the Tathagata holds the notions of a self, a person, a sentient being, or a life span.

Subhuti, when the Tathagata says ‘I’, there is actually no ‘I’. Yet ordinary beings think there is a real ‘I’.

Subhuti, the Tathagata says that ordinary beings are in fact not ordinary beings. Therefore they are called ordinary beings.”





## 26) PHÁP THÂN PHI TƯỚNG ĐỪNG TÌM PHẬT TRONG SẮC TƯỚNG HAY ÂM THANH, SEEK THE BUDDHA NOT IN FORM OR SOUND

Này Subhuti! Ý Ông thế nào? Có thể do nơi ba-mươi-hai tướng mà thấy là Như-Lai chăng?"

*Ông Subhuti bạch rằng: "Đúng thế! Đúng thế! Do ba mươi hai tướng mà thấy đức Như-Lai".*

Đức Phật dạy rằng: "Này Subhuti! Nếu lấy ba mươi hai tướng mà xem là Như-Lai đó, thì vua Chuyển-Luân-Thánh-Vương chính là Như-Lai rồi!"

*Ông Subhuti bạch với đức Phật rằng "Bạch đức Thế-Tôn! Theo như con hiểu nghĩa-lý của đức Phật nói, thì chẳng nên do nơi ba-mươi-hai tướng mà thấy đức Như-Lai".*

*Bấy giờ đức Thế-Tôn liền nói kệ rằng:*

Nếu dùng sắc thấy ta,  
Dùng âm thanh cầu ta,  
Là người hành tà đạo!  
Chẳng thể thấy Như-Lai.

"Subhuti, what do you think? Can one discern the Tathagata by means of the thirty-two physical attributes?"

Subhuti said, "Yes, yes. One can discern the Tathagata by means of the thirty-two physical attributes." The Buddha said, "Subhuti, if one discerns the Tathagata by means of the thirty-two physical attributes, then a wheel-turning sage king would be a tathagata."

Subhuti said to the Buddha, "World Honored One, as I understand the meaning of what you have said, one should not try to discern the Tathagata by means of the thirty-two physical attributes." Then the World Honored One spoke this verse:

Those who see me in form,  
Or seek me through sound,  
Are on a mistaken path;  
They do not see the Tathagata.

## 27) VÔ ĐOẠN VÔ DIỆT - TRÁNH CÁI THẤY ĐOẠN-DIỆT, AVOID ANNIHILISTIC VIEWS

Subhuti! Nếu ông tác-niệm thế này: Đức Như-Lai, không phải vì có tướng mãn-túc đầy đủ mà được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác!

Subhuti! Ông cũng đừng tác-niệm như vậy: Đức Như-Lai chẳng do nơi tướng mãn-túc đầy đủ mà được Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác?

Subhuti! Nếu ông tác-niệm như vậy: Người phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác nói các pháp đều đoạn diệt. Ông đừng tác-niệm như thế. Bởi vì sao?





Vì người phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác nơi các pháp không nói tướng đoạn diệt.

(English p. 45)

“Subhuti, if you think that the Tathagata attains unsurpassed complete enlightenment without the perfection of all attributes, then,

Subhuti, you should not think this way, because the Tathagata does not attain unsurpassed complete enlightenment without the perfection of all attributes.

Subhuti, if you resolve to attain unsurpassed complete enlightenment with such a thought, you would be asserting the extinction of dharmas. You should not think this way. Why?

One who resolves to attain unsurpassed complete enlightenment does not assert the extinction of dharmas.”

## 28) **BẤT THỤ BẤT THAM - BỒ TÁT KHÔNG TÍCH CÔNG ĐỨC, BODHISATTVAS DO NOT ACCUMULATE MERITS**

Này Subhuti! Nếu Bồ-tát đem bảy thứ báu đầy cả những cỗi nước bằng số cát sông Hằng để làm việc bố-thí.

Nếu lại có người biết tất cả các pháp vô ngã mà đặng thành nhĩn trí. Vị Bồ-tát này được công-đức hơn phước-đức của vị Bồ-tát trước. Bởi vì sao?

Này Subhuti! Vì các vị Bồ-tát không nhận lấy phước-đức.”

(English p. 46)

“Subhuti, if a bodhisattva gives away enough of the seven jewels to fill as many world systems as the grains of sand in the Ganges River, and another bodhisattva attains the forbearance of the selfless nature of all phenomena, the virtue of this bodhisattva would exceed that of the former. Why? Subhuti, this is because bodhisattvas do not accumulate merits.”

*Ông Subhuti bạch với đức Phật rằng: "Bạch đức Thế-Tôn! Tại sao các vị Bồ-tát không nhận lấy phước-đức?"*

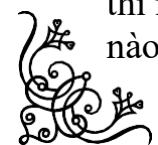
*"Này Subhuti! Vị Bồ-tát phạm có làm việc phước-đức thì chẳng nên tham-trước, vì thế nên nói là chẳng nhận lấy phước-đức.*

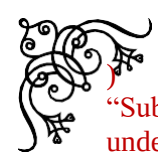
Subhuti said to the Buddha: “World Honored One, how is it that bodhisattvas do not accumulate merits?”

“Subhuti, bodhisattvas do not cling to the merits they generate. Therefore I say that they do not accumulate merits.”

## 29) **UY NGHI TỊCH TỊNH LAI - KHÔNG ĐẾN KHÔNG ĐI, THUS- COME-ONE NEITHER COMES NOR GOES**

Này Subhuti! Nếu có người nói: Đức Như-Lai hoặc đến, hoặc đi, hoặc ngồi, hoặc nằm, thì người ấy không hiểu nghĩa của Phật nói. Bởi vì sao? Vì Như-Lai đó, không từ nơi nào lại, mà cũng không nơi nào đi, nên gọi là Như-Lai!





“Subhuti, whoever says that the Tathagata (‘Thus-come One’) comes, goes, sits, or lies down does not understand the meaning of my teaching. Why? The Thus-come One neither comes nor goes. Therefore he is called ‘Thus-come One’.”

### 30) NHẤT HỢP LÝ TƯỢNG, BẢN CHẤT CỦA THẾ GIỚI, THE NATURE OF THE WORLD

Này Subhuti! Như có thiện-nam, thiện-nữ, đem cõi tam-thiên đại-thiên (trichiliocosm) đập nát thành vi-trần. Nơi Ý Ông thế nào? Các vi-trần (đơn vị siêu nhỏ bé) đó có nhiều chăng?"

*Ông Subhuti bạch rằng "Bạch đức Thế-Tôn! Rất nhiều. Bởi vì sao? Vì nếu những vi-trần đó là thật có, thì đức Phật chẳng nói là những vi-trần."*

*Thế là nghĩa gì? Vì đức Phật nói những vi-trần vốn chẳng phải những vi-trần, nên mới gọi là những vi-trần."*

*Bạch đức Thế-tôn! Cõi tam-thiên đại-thiên của đức Như-Lai nói, chính chẳng phải thế-giới, đó gọi là thế-giới. Bởi vì sao? Vì nếu thế-giới là thực có ấy, thì là tướng nhất-hợp (composite).*

Đức Như-Lai nói tướng nhất-hợp chính chẳng phải tướng nhất-hợp, đó gọi là tướng nhất-hợp".

"Này Subhuti! tướng nhất-hợp thật sự không thể nói được (ineffable), chỉ những kẻ phàm-phu chấp-trước những hiện tượng ấy thôi.

(English p. 47)

“Subhuti, what do you think? If a good man or good woman takes all the worlds of a trichiliocosm and crushes them into tiny particles, wouldn’t these particles be numerous?”

“Extremely numerous, World Honored One. Why? If these tiny particles had real existence, the Buddha would not call them tiny particles.

What does this mean? What the Buddha calls ‘tiny particles’ are not tiny particles. Therefore they are called tiny particles.

The Tathagata teaches that ‘composites’ are not composites. Therefore they are called composites.”

World Honored One, that which the Tathagata calls ‘all the worlds of a trichiliocosm’ are actually not worlds. Therefore they are called worlds. Why? To the extent that these worlds really exist, they do so as a composite.

“Subhuti, a composite is actually ineffable, but ordinary beings form attachments to such phenomena.”





### 31) TRI KIẾN KHÔNG SINH - TIÊU DIỆT BỐN KIẾN THẤY, EXTINCTION OF THE FOUR VIEWS

Này Subhuti! Như có người nói: Đức Phật nói ngã-kiến, nhân kiến, chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến. Ý Ông thế nào? Người ấy hiểu nghĩa-lý của điều Phật nói chăng?"

*"Bạch đức Thế-Tôn! Không. Người ấy không hiểu nghĩa-lý của điều đức Phật nói. Bởi vì sao?"*

*Đức Thế-tôn nói ngã-kiến, vốn chẳng phải ngã-kiến, do đó gọi là ngã-kiến, nhân-kiến, (vốn chẳng phải ) nhân-kiến, (do đó gọi là) nhân-kiến, chúng-sanh-kiến, (vốn chẳng phải ) chúng-sanh-kiến, (do đó gọi là) chúng-sanh-kiến, thọ-giả-kiến, (vốn chẳng phải ) thọ-giả-kiến (do đó gọi là) thọ-giả-kiến".*

"Này Subhuti! Nơi tất cả pháp, người phát Tâm Vô-thượng Chánh-đẳng Chánh-giác phải biết như thế, thấy như thế, tin hiểu như thế, chẳng sinh pháp-tướng.

Này Subhuti! Pháp-tướng nói ra đó, Như-Lai nói chính là không phải pháp-tướng, nên đó gọi là pháp-tướng.

*"Subhuti, if someone claims that I teach views of a self, a person, a sentient being, or a life span, what would you say? Has this person understood the meaning of my teaching?"*

*"World Honored One, this person has not understood the meaning of the Tathagata's teaching. Why? The World Honored One explains that views of a self, a person, a sentient being, or a life span are actually not views of a self, a person, a sentient being, or a life span. Therefore they are called views of a self, a person, a sentient being, or a life span."*

*"Subhuti, one who resolves to attain unsurpassed complete enlightenment should know, perceive, believe, and understand all dharmas like this, just as they are, without attachment to the attributes of any dharma. Subhuti, the Tathagata has explained that dharma attributes are not dharma attributes, therefore they are called dharma attributes."*

### 32) ỨNG HÓA PHI CHÂN - TẤT CẢ PHÁP LÀ ẢO TƯỢNG, ALL PHENOMENA ARE ILLUSIONS

Này Subhuti! Như có người đem bảy thứ báu đầy cả vô-lượng vô-số cõi nước để làm việc bố-thí. Như có thiện-nam, thiện-nữ nào, phát tâm Bồ-đề, thọ-trì kinh này, đến một bài kệ bốn câu v.v... thọ-trì, đọc-tụng, lại giảng cho kẻ khác nghe, thì phước-đức của người này hơn người trước. Giảng nói cho người khác nghe như thế nào? Không chấp nơi tướng, như nghĩa, chẳng động? Bởi vì sao?

*Tất cả những pháp hữu-vi (conditioned phenomena)*

*Khác nào mộng, huyễn, khác gì điện, sương.*

*Như bóng-bọt nước, như ảnh-tượng.*

*Xét suy như thế cho thường chớ quên!*

Đức Phật nói kinh này xong, ông Trưởng-Lão Subhuti cùng với các vị Tỳ-kheo, Tỳ-kheo-Ni, Ưu-Bà-Tắc, Ưu-Bà-Di, tất cả Trời, Người, A-tu-La v.v... trong thế-gian, nghe những lời của Đức Phật dạy, thấy đều rất vui mừng, tin nhận, vâng theo tu hành.



*Kinh Kim Cang Trí Huệ Toàn Hảo*  
(còn được gọi là *Kinh Kim Cang Bát-Nhã-Ba-La Mật*,  
còn được gọi là *Kinh Năng Đoạn Kim Cang Prajna Paramita*)

“Subhuti, if a person amasses enough of the seven jewels to fill countless worlds and gives them away in charity, and if a good man or good woman with the bodhisattva resolve takes as few as a four-line verse of this sutra, recites, remembers, follows, and expounds it to others, the latter’s merit would far exceed that of the former. How should one teach it to others? Without attachment, abiding in stillness and suchness. Why?

All conditioned phenomena  
Are like a dream, an illusion, a bubble, a shadow,  
Like dew or a flash of lightning;  
Thus we shall perceive them.”

With this the Buddha concluded the sutra. The elder Subhuti, other bhiksus, bhiksunis, upasakas, upasikas, heavenly and human beings, asuras, and other beings of the world, having heard the Buddha, were all filled with immense joy; they accepted and followed the teaching faithfully.

*The Diamond of Perfect Wisdom Sutra.*

## HỒI HUỞNG (trong hành trì Kinh Kim Cương), Dedication prayers for Diamond Cutter Sūtra as a self-contained practice

དགེ་བ་འདི་ཡིས་སྒྱུར་དུ་བདག་ཟླ་མ་སངས་རྒྱལ་འགྲུབ་ཐུང་ནས།  
འགོ་བ་གཅིག་ཀར་མ་ལུས་བཤེད་ཡི་ས་ལ་འགྲོད་པར་ཤོག།

**gewa diyi nyurdu dag**

**lama sangyé drub.gyur né  
drowa chik.kyang malü pa  
déyi sala göpar shok**

Through the merits of these virtuous actions  
May I quickly attain the state of Guru Buddha  
And lead all living beings without exception  
Into her enlightened state.

Nguyện nhờ công đức này, con sớm thành địa vị  
Của Đức Phật, Đạo sư  
Nguyện dẫn dắt chúng sinh không chừa sót một ai,  
Cùng vào quả vị này

བྱང་ཆུབ་སེམས་མཚན་རིན་པོ་ཆེའི་སྒྱུ་བ་ནུས་སྒྱུ་འགྲུབ་ཅིག  
སྒྱུ་བ་ཉམས་པ་མེད་པ་ཡང་ཤོད་ནས་གོང་དུ་འཕེལ་བར་ཤོག།

**jangchub semchok rinpoche  
ma.kyé panam kyé.gyur chik  
kyepa nyampa mepa yang  
gong.né gong.du pelwar shok**

May the supreme jewel bodhicitta,  
That has not arisen, arise and grow;

And may that which has arisen not diminish  
But increase more and more.





Nguyện cho Bồ Đề Tâm châu báu vô thượng  
 Nơi nào chưa phát sinh sẽ nảy sinh phát triển  
 Và nơi nào đã phát sinh sẽ không thoái giảm  
 Nhưng sẽ tăng trưởng hơn và hơn nữa.

ཡང་དག་ལྷ་བ་རིན་པོ་ཆེ།  
 མ་སྐྱེས་པ་རྒྱལ་ལྷོ་འགྲུར་ཅིག  
 སྐྱེས་པ་ཉམས་པ་མེད་པ་ཡང་།  
 གོང་ནས་གོང་དུ་འཕེལ་བར་ཤོག

**yangdak tawa rinpoche**  
**ma.kyé panam kyé.gyur chik**  
**kyepa nyampa mepa yang**  
**gong.né gong.du pelwar shok**

May the supreme jewel perfect view,  
 That has not arisen, arise and grow;  
 And may that which has arisen not diminish  
 But increase more and more.

Nguyện tri kiến toàn hảo châu báu vô thượng  
 Nơi nào chưa phát sinh sẽ nảy sinh phát triển  
 Và nơi nào đã phát sinh sẽ không thoái giảm  
 Nhưng sẽ tăng trưởng hơn và hơn nữa.

མཐོང་བ་དང་ནི་ཐོས་པ་དང་། དུན་པ་དང་ནི་རིག་པ་ཡི། བདག་ནི་སེམས་ཅན་ཐམས་ཅད་ཀྱི། རྒྱུ་ལྷོ་འགྲུར་ཅིག

**tongwa dang.ni töpa dang**  
**drenpa dang.ni rekpa yé dag.**  
**ni semchen tamché kyi nénam**  
**kün.kyang shi.gyur chik**

May I pacify all the pain  
 Of every sentient being  
 Who sees or hears me,  
 Who thinks of me or touches me.

Nguyện con thanh tịnh tất cả khổ đau  
 Của từng chúng sanh hữu tình  
 Khi họ thấy hoặc nghe con,  
 Nghĩ đến con hoặc chạm vào con

ས་སོགས་ འབྱུང་བ་ཆེན་པོ་དང་། རྣམ་མཁའ་བཞིན་དུ་རྟག་པ་ཡང་། སེམས་ཅན་པགས་དུ་མེད་པ་ཡི། རྣམ་མང་ཉེར་འཛིན་གཞིར་ཡང་ཤོག

**sasok jungwa chenpo dang**  
**namkha shindu takpa yang**  
**semchen paktu mepa yi**  
**nammang nyer.tsö shir.yang shok**

Just like the earth and space itself  
 And all the other mighty elements  
 For boundless multitudes of beings  
 May I always be the ground of life,  
 The source of varied sustenance.





Cùng như đất và chính không gian  
 Và tất cả yếu tố hùng mạnh khác,  
 Nguyên con là nền đất của sự sống  
 Nguồn nuôi dưỡng đa dạng.  
 Cho vô-lượng chúng sinh vô-biên

ཇི་སིང་ན་མ་མཁའ་གནས་པ་དང་།  
 འགོ་བ་དེ་སིང་གནས་ཐུང་པ།  
 དེ་སིང་བདག་ནི་གནས་འཐུང་ནས།  
 འགོ་བའི་སྤྱུ་སྡེ་སེལ་བར་ཤོག

**jisi namkha nepa dang  
 drowa desi né.gyur pa  
 desi dakni negyur né  
 drowé duk.ngal selwar shok**

As long as space endures,  
 As long as sentient beings remain,  
 Until then may I too abide,  
 To dispel the suffering of all beings.

Khi nào không gian còn tồn tại  
 Khi nào chúng sanh hữu tình còn ở lại  
 Đến khi ấy nguyện con cũng trụ lại  
 Để xua tan khổ đau của tất cả chúng sanh.

དེ་ནས་རེ་བཙུན་སྒྲ་མ་ཐུགས་རེ་ཅན་མ་ཐུང་འགོ་བའི་སྤྱུ་སེལ་བསྡེ་ལ་ཀུན། མ་ལུས་ད་རྩ་བདག་ལ་སིན་པ་དང་། བདག་གི་བདེ་དགེ་གཞན་ལ་གཏོང་བ་ཡིས། འགོ་ཀུན་བདེ་དང་ཐན་པར་བྱིན་གསུང་རོལས།

**dené je.tsün lama tukjé chen ma.gyur drowé dig.drib duk.ngal kün malü danta dag.la minpa dang dakgi  
 dégé shenla tongwa yi drokün dédang denpar jingyi lob**

And thus perfect, pure compassionate gurus,  
 I seek your blessings that all karmic debts,

obstacles, and suffering of mother beings May without exception ripen upon me right now,

And that I may give my happiness and virtue to others  
 And, thereby, invest all beings in bliss.

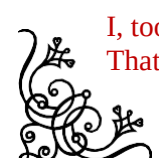
Do đó chư đạo sư toàn hảo, thuần tịnh và từ bi,  
 Xin gia trì để tất cả nợ nghiệp, chướng ngại, và đau khổ của các chúng sinh mẹ  
 Tức thời trở quả không thiếu sót nơi con  
 Và để con hiến cúng hạnh phúc và đức hạnh của con đến chúng sinh  
 Nhờ đó ưu đãi tất cả chúng sanh trong phúc lạc.

འཇམ་དབལ་དཔའ་པོས་ཇི་ལྷར་མཁའ་བ་དང་། ཀུན་རྒྱ་བཟང་པོ་དེ་ཡང་དེ་བཞིན་དྲེ།  
 དེ་དག་ཀུན་གི་རིས་སྤུ་བདག་སོལ་མིར་དགེ་བ་འདི་དག་ཐམས་ཅད་རབ་རྒྱ་བཟོ།

**jampal pawō jitar khyenpa dang kuntu zangpo deyang de.shin té dedak kün gyi jesu daklob chir gewa  
 didak tamché rabtu ngo**

Just as the brave Manjushri and Samantabhadra, too,  
 Realized things as they are,

I, too, dedicate all these merits in the best way,  
 That I may follow their perfect example.





Như Đức Văn Thù uy dũng và Đức Phổ Hiền  
Cùng chứng ngộ các pháp thật sự là  
Con cũng hồi hướng tất cả công đức này theo cách thù thắng nhất  
Để con có thể noi gương toàn hảo của các Ngài

དུས་གསུམ་གཤེགས་པའི་རྒྱལ་བ་ཐམས་ཅད་ཀྱིས། བཟླ་བ་གང་ལ་མཚན་ཏུ་བཟུགས་པ་དེས། བདག་གི་དགེ་བའི་རྩ་བ་འདི་ཀུན་ཀྱང་། བཟང་པོ་སྔ་མེད་ལྟ་བུ་བཟོ་བར་བགྱི།

**düsum shekpé gyalwa tamché kyi ngowa gangla chok.tu ngakpa dé dakgi gewé tsawa dikün kyang zangpo  
chöchir rabtu ngowar gyi**

I dedicate all these roots of virtue,  
With the dedication praised as the best  
By the victorious tathagatas of the three times,  
That I might practice what is noble.

Nguyện hồi hướng tất cả rễ đức hạnh  
Cách hồi hướng đã được tán dương là tốt nhất  
Bởi chư Như Lai chiến thắng trong ba thời,  
Để con hành trì pháp cao quý.





# TÁN DƯƠNG LAMA TSONGKHAPA, PRAISE OF LAMA TSONGKHAPA (Migtsema)



Thầy là Quán Thế Âm kho tàng Đại Bi Tâm không đối tượng  
Thầy là Đức Văn Thù Đại Đạo Sư với Trí huệ vô cầu  
Thầy là Kim Cang Thủ Đại Lực chiến thắng mọi ác ma  
Lama Tông Khách Ba, viên ngọc quý trên đỉnh bậc Thánh hiền xứ Tuyết  
Đánh lễ dưới chân Thầy, Đức Lobsang Drakpa  
Con thành tâm cầu nguyện.

**migmé tsewé terchen chenrezig  
dremé khyenpé wangpo jampal yang  
gangchen khepé tsukgyen tsongkhapa  
lozang drakpé shabla solwa deb**

དམིགས་མེད་པ་ ཅེ་བའི་གཏེར་ཆེན་ རྩ་རྒྱུ་གཞིགས།  
ཅི་མེད་མ་ ཅེན་པའི་དབང་པོ་འཇམ་དཔལ་དང་ ངས།  
བ་དྲ་ང་མ་ ས་འཛོམས་མཛད་གསང་བའི་བདག།  
གངས་ཅན་མཁས་པའི་ག་ རྩ་ཙེ་ང་ལ་བ།  
ཙེ་བཟང་ གས་པའི་ཞབས་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

Avalokiteshvara, great treasure of objectless compassion  
Manjushri, master of flawless wisdom  
Vajrapani, destroyer of the entire host of maras  
Tsongkhapa, crown jewel of the snow land's sage  
Losang Drakpa, I make request at your feet.

## MINH CHÚ HỒNG DANH



### MINH CHÚ HỒNG DANH Của Thánh Đức H.E. Choden Rinpoche

*Quý vị nào đã lập liên kết Guru-đệ tử với  
Thánh Đức H.E. Choden Rinpoche, hoan hỷ trì:*

ཨོཾ་ཨ་གུ་རུ་བཞུ་ཤིང་ཡེ་ཤུ་ས་ན་བི་ཤ་ཡེ་ཨི་ཤ་ར་སའ་སི་རྩི་ཧྱུ་ཧྱུ་

**OM AH GURU VAJRADHARA**  
**SUMATI DZAYA SHASANA VIBHAYA ISHVARA**  
**SARWA SIDDHI HUM HUM**

### MINH CHÚ HỒNG DANH Của Khen Rinpoche Geshe GYALTEN

*Quý vị nào đã lập liên kết Guru-đệ tử với  
Khen Rinpoche Geshe Gyalten, hoan hỷ t*

ཨོཾ་ཨ་གུ་རུ་བཞུ་ཤིང་ཡེ་ཤུ་ས་ན་ཨ་ལ་ལ་སའ་སི་རྩི་ཧྱུ་ཧྱུ་

**OM AH GURU VAJRADHARA**  
**SUMATI DZAYA SHASANA ANANDA**  
**SARWA SIDDHI HUM HUM**

## 7 CẦU NGUYỆN KHEN RINPOCHE GESHE GYALTEN KUNGHA TRƯỜNG THỌ Long Life Prayer To Khen Rinpoche Geshe Gyalten



Vẽ mặt của Thượng Sư đẹp lộng lẫy như hoa sen đỏ,  
Thầy là hiện thân của tất cả Đấng Chiến Thắng  
Đức Phật Vô Lượng Quang, nguyện ban thành tựu vô lượng thọ  
Nguyện đài sen của Thượng Sư chỉ dạy chúng con lộ trình tối hảo, siêu việt  
Đến giải thoát vô thượng, luôn bất hoại kiên định như Kim Cang

ཀུལ་པ་ཀུན་འདུས་ཞལ་པད་རག་མདོག་འཆང་བ།  
ཆོ་འདད་དཔག་མེད་ཆོ་ཡི་དངོས་གྲུབ་རྩལ།  
ཡང་དག་ལས་སྟོན་ཐར་པ་མཆོག་གི་བཤེས།  
ཞབས་པད་རྩོམ་འོ་བོར་བརྟན་པར་གསོལ།

**gyalwa kündü zhelpé rakdok changwa  
tsé öpakmé tséyi ngödrub tsol  
yangdak létön tarpa chokgi shé  
zhabpé dorjé ngowor tenpar sol**

With a face that has the hue of a red lotus,  
you encompass all conquerors  
Life Amitabha, please bestow the siddhi of life.



May the lotus feet of the friend who teaches the  
correct path to supreme liberation  
Remain stable like the vajra

Nguyện Thượng Sư đức hạnh vững vàng, thuyết nền- tảng của Chánh-Tri-Kiến  
vững cực đoan

Và hành động từ lãnh vực của hạnh Bồ Đề trân quý, vô thượng  
Ngài ngự trên cao với bốn phương tiện đa cấp để thu phục đệ tử  
Nguyện Tôn Sư luôn được kiên định như núi Tu Di

མཐའ་བྲལ་ཡང་དག་ལྟ་བུ་གཞི་རྒྱུ་བརྟན།  
བྱང་སེམས་སྤྱོད་མཚན་རིན་ཆེན་མཁས་ལས་གྲུབ།  
བསྐྱེད་བཞི་ཡི་བང་རིམ་མངོན་པར་མཐོ།  
བཤམ་གཉིན་རི་དབང་ལྷན་པོ་རྟག་བརྟན་ཤོག།

**tadral yangdak tawé zhimeng ten  
changsem chöchok rinchen khélé drub  
duwa zhiyi bangrim ngönpar to  
shenyen riwang lhünpo takten shok**

May the virtuous friend who steadily proclaims  
the foundation of correct view free from extremes  
and acts from the sphere of the precious supreme  
conduct of bodhicitta  
With the layers of the four means of gathering disciples standing high  
Always remain stable like the supreme Mount Meru.

Thượng Sư là vườn sen trong truyền thống vô cầu về giáo huấn của các Đấng Chiến  
Thắng Gyalten

Tôn Sư trưởng dưỡng tất cả chúng sanh luân hồi trong ba cõi  
Ngài là viên bảo châu của bầu trời, vị thiện tri thức làm nhiều học giả kinh mến  
Cầu mong cho những hoạt động giác ngộ của Ngài mãi luôn tỏa sáng phóng chiếu vô  
lượng quang

དྲི་བྲལ་རྒྱལ་བསྐྱེད་རིང་ལྷགས་པད་མའི་ཚལ།  
ས་གསུམ་འགྲོ་ལུན་གསོས་སུ་གྲེལ་བའི་གཉིན།  
མཁས་རྒྱ་དགའ་སྤྱོད་བཤམ་གཉིན་ནམ་མཁའ་ནོར།  
འཕྲིན་ལས་འདྲ་རྒྱང་འབྱེས་བཞིན་རྟག་འཆར་ཤོག།

**dridrel gyalten ringluk pemö tsal  
sasum drokün sösu pelwé nyen  
khégu gakyé shenyen namkhé nor  
trinlé önang gyézhin takchar shok**

The lotus garden of the stainless tradition of  
the Conquerors' teachings (*gyal ten*)  
The friend who provides nourishment for all  
reincarnating beings in the three worlds  
The jewel of the sky, the virtuous friend who pleases many scholars  
May his enlightened activities always shine like the profusion of light.





Cùng với năng lực gia trì tuyệt diệu của tất cả Đấng Chiến Thắng, Đại Bồ Tát và các vị con Phật

Cùng với chân lý không lừa dối của nguyên lý Sinh Khởi Phụ Thuộc

Cùng năng lực từ tín tâm với động cơ hết sức thanh tịnh của con

Cầu cho những lời thỉnh nguyện khao khát của con được nhanh chóng và dễ dàng viên thành vì hạnh phúc và lợi ích của tất cả chúng sanh

མདོ་བྱང་ལྷ་ས་བཅས་རྒྱལ་པའི་བྱིན་ཆེན་པོ་དང་།  
བརྟན་འབྲེལ་བསྐྱེད་པ་མཛད་པའི་བདེན་པ་དང་།  
བདག་གི་ལྷག་བསམ་དག་པའི་མཐུ་སྟོབས་མཐུ་གྱིས།  
སྟོན་པའི་དོན་ཀུན་བདེ་ལྷག་འབྱུང་བ་ལྟར་ཅིག།

**mejung séché gyalwé jinlab dang  
tendrel luwa mepé denpa dang  
dakgi lhaksam dakpé tutob tu kyi  
mönpé dōnkün delak drub gyur chik**

Through the power of the amazing blessings  
of the Conquerors and theirs sons  
The truth of the infallible dependent arising  
And the might of my pure special intention  
May all my prayers be easily fulfilled.



## 8 **Nguyện Ước Cát Tường cho H.E. Chöden Rinpoche Tenzin Gyalten**, Aspirations for H.E. Chöden Rinpoche Tenzin Gyalten



His Eminence Chöden Rinpoche Tenzin Gyalten

Học-viên được khuyến khích liên tục cầu-nguyện nguyện-ước và hồi-hướng cho cuộc sống trường thọ và ổn định của H.E. Chöden Rinpoche Tenzin Gyalten, để cầu nguyện Ngài được giáo dục vui vẻ và trưởng dưỡng không gặp trở ngại về sức khỏe, hạnh phúc, giáo dục — đặc biệt là liên quan đến các vấn đề tâm linh — và liên tục cầu nguyện cho sự tiếp nối liên mạch, trọn vẹn và không bị gò bó của các hoạt động giáo pháp và di sản rộng lớn và không thể nghĩ bàn của vị hóa thân trước đây của dòng truyền thừa phước hạnh và không thể nghĩ bàn này bởi sự-tỏ hóa thân quý giá hiện tại của chúng ta, Yangsi Rinpoche TENZIN GYALTEN.

*Students are encouraged to continuously make aspiration and dedication prayers for the long and stable life of His Eminence Chöden Rinpoche Tenzin Gyalten, to pray for a joyful upbringing and a rearing free from obstacles to health, well-being, education—in particular as pertains to spiritual matters—and to continuously pray for a seamless, complete and unfettered continuation of the vast and inconceivable legacy and dharma activities of the previous incarnation of this blessed and inconceivable lineage by our precious current incarnation, Yangsi Rinpoche Tenzin Gyalten.*





## 9 Hồi Hưởng Cuối Cùng, Final dedication prayers

### 9.1 Hồi Hưởng Chung Xiển Dương Phật Pháp Và Tất Cả Chúng Sinh Thịnh-Vượng, General dedication for the flourishing of the Dharma and the well-being of all beings

Y như Đức Mañjuśrī Văn Thù hùng vĩ,  
Và giống như Đức Samantabhadra Phổ Hiền  
Nhận thức [hiện tượng pháp] chỉ như chúng là,  
Nên con cũng hồi hướng tất cả những đức hạnh này  
Để con luyện phù hợp theo bước chân của tất cả [đại hành giả này].

Vì [cách] hồi hướng này đã được ca ngợi  
Bởi tất cả các Đấng Chiến Thắng của ba thời  
Rễ này của toàn bộ đức hạnh của con,  
Con hồi hướng hết lòng để [tất cả chúng sanh] hành động tốt.

Nguyện cho những khía cạnh khác nhau của viêđ thực hành  
Pháp của Pháp-Vương Tsongkhapa trở nở.  
Nguyện cho các điềm báo nghịch cảnh được điều ngự  
Và mọi điều kiện thuận duyên đầy đặn trọn vẹn.

Just as the heroic Mañjuśrī, and likewise Samantabhadra  
Realized [phenomena] just as they are,  
So I, too, dedicate all these virtues  
That I may follow suit and train in the footsteps of all of these [great beings].  
Since this [manner of] dedication has been extolled  
By all victors of the three times  
This root of my virtue, in its entirety,  
I dedicate wholeheartedly, so that [all beings might] perform good deeds.  
May the various aspects of practice of Dharma of The king of Dharma, Tsongkhapa flourish.  
May the signs of adverse conditions be pacified  
And may all conducive conditions be complete.

### 9.2 Hồi Hưởng Sâu Rộng theo Các Giai Trình của Đường Tu Giác Ngộ Extensive Lamrim Dedication Prayer

Từ hai bờ tư lương, bao la như không gian, mà con đã tích trữ  
Từ cố gắng hành trì này suốt thời gian rất dài,  
Nguyện con thành Phật thủ lãnh của tất cả những ai  
Có mắt trí-huệ bị mù vì vô minh.





Dù con không đạt được đến trạng thái đó, xin cho con được giữ  
Trong bi mẫn thương yêu của Đức Văn-Thù-Sur-Lợi trong mọi kiếp,  
Nguyện con tìm được đạo đầy đủ tốt nhất trong các giáo huấn  
Và nguyện con làm tất cả chư Phật vui lòng.

Dùng phương-tiện thiện-xảo được trích bằng lực mạnh của bi mẫn,  
Nguyện con xua đen tối khỏi tâm của mọi chúng sinh  
Với các điểm của đạo như con đã phân minh,  
Nguyện con đề-cao giáo huấn của Đức Phật suốt thời gian rất lâu.

Với tim con đi với bi nguyện lớn  
Đến bất cứ hướng nào mà giáo huấn quý báu nhất  
Chưa lan đến, hoặc đã từng bành trướng đến nhưng đã suy,  
Nguyện con tiết lộ kho tàng hạnh phúc và trợ giúp này.

Nguyện cho tâm của những ai cầu giải thoát được ban bình an rộng rãi  
Và các hoạt động của Đức Phật được nuôi dưỡng suốt thời gian dài  
Bởi đạo tốt nhất được hoàn thành đến giác ngộ  
Nhờ hành vi kỳ diệu của chư Phật và các con của Phật

May all humans and nonhuman beings who eliminate adversity  
And create conducive conditions for practicing the excellent paths  
Never be parted in any of their lives  
From the purest path praised by the Buddhas.

Whenever someone strives to act  
In accordance with the virtuos Mahāyāna practices in ten points,  
May he always be assisted by the mighty ones,  
And may oceans of prosperity spread everywhere.

From my two collections, vast as space, that I have amassed  
From working with effort at this practice for a great length of time,  
May I become a chief leading Buddha for all those  
Whose mind's wisdom-eye is blinded by ignorance.

Even if I do not reach this state, may I be held  
In your loving compassion for all lives, Manjuśrī,  
May I find the best of complete graded paths of the teachings,  
And may I please all the Buddhas by my practice.

Using skillful means drawn by the strong force of compassion,  
May I clear the darkness from the minds of all beings  
With the points of the path as I have discerned them,  
May I uphold the Buddha's teachings for a very long time.

With my heart going out with great compassion  
In whatever direction the most precious teachings  
Have not yet spread, or once spread have declined,  
May I reveal this treasure of happiness and aid.

May the minds of those who wish for liberation be granted bounteous peace  
And the Buddha's deeds be nourished for a long time  
By this graded path to enlightenment completed  
Due to the wondrous virtuous conduct of the Buddhas and their children.





May all humans and nonhuman beings who eliminate adversity  
And create conducive conditions for practicing the excellent paths  
Never be parted in any of their lives  
From the purest path praised by the Buddhas.

Whenever someone strives to act  
In accordance with the virtuous Mahāyāna practices in ten points,  
May he always be assisted by the mighty ones,  
And may oceans of prosperity spread everywhere.

### 9.3 Kệ Cát Tường, Verses of Auspiciousness

Không cố gắng hay khó nhọc,  
[Như được ban bởi] viên ngọc toại-nguyện và cây ban ước-nguyện  
Cầu cho những mong ước của chúng sanh được viên thành,  
Và những ước nguyện họ sẽ phồn thịnh được thuận ban.

Without effort and hardship,  
[As if granted by the] wish-fulfilling jewel and the wish-granting tree  
May sentient beings' wishes be fulfilled,  
And their wishes of prosperity be granted.

Let auspiciousness prevail always, day and night;  
Let auspiciousness prevail, whether it be day;  
Let auspiciousness prevail, whether it be night;  
Let the auspiciousness of the Three Jewels prevail.

### 9.4 Migtsema-prayer

Thầy là Đức Quán Thế Âm kho tàng Đại Bi Tâm không tương quan  
Thầy là Đức Văn Thù Đại Đạo Sư với Trí huệ không sai sót  
Thầy là Đức Kim Cang Thủ Đại Lực chiến thắng lũ ác ma  
Lama Tsongkhapa, viên ngọc quý trên đỉnh bậc Thánh hiền xứ Tuyết  
Đảnh lễ dưới chân Thầy, Đức Lobsang Drakpa, con thành tâm cầu nguyện.

དཔལ་ལྡན་མཆོད་པའི་གཏེར་རྒྱུ་ རྩ་མཁའ་གཟིགས།

ཇི་མཛད་མཆོད་པའི་དབང་པོ་འཛམ་དབུལ་དྭངས།

བདད་དད་པ་མ་ ས་འཛོམས་མཛད་གསང་བའི་བདག།

གངས་ཅན་མཁའ་པའི་ག ག་ ར་ཙེ་པ་ལ།

འོ་བཟང་ གསལ་བའི་ཐབས་ལ་གསོལ་བ་འདེབས།

Avalokiteśvara, treasure of referenceless compassion,

Mañjuśrī, master of flawless wisdom,

Vajrapāṇi, subduer of the host of *mārās*

Tsongkhapa, crown jewel amongst the sages of the land of snow

Losang Drakpa, I make requests at your feet.



## Các chú thích do ban biên tập cung cấp, Endnotes provided by the editors

1. Ý nghĩa của câu minh chú cúng dường này là: "Ôi Ngọc giữa các Đạo sư, hãy ban hành maṇḍala này".
2. Đức Phật được ví như ngựa thần thánh khi nó chở người cưỡi ngựa tới điểm-đến vượt qua đau khổ; con ngựa điềm tĩnh vì nó có thể tự mình chở người cưỡi tới điểm-đến đó mà không cần bất kỳ sự hướng dẫn nào từ phía người cưỡi. Đối với sự ví von của một con voi, nó là một 'vật cưỡi' hay 'phương tiện' vĩ đại vì được truyền từ lòng từ bi vĩ đại của một vị Phật toàn giác, nó có thể mang gánh nặng phần đầu vì lợi ích của tất cả chúng sinh theo cách không có 'con voi' bình thường nào — chẳng hạn như śravakas và pratyekabuddhas — có thể.
3. Theo sơ đồ hai lần phân chia các kāya thành sắc thân và pháp thân, sắc thân bao gồm hóa sắc thân (emanation body, nirmāṇakāya) và thân sắc ứng-báo (enjoyment body, saṃbhogakāya).
4. Không cần phải nói rằng "thuốc kê đơn" có chứa cò hoặc các dược phẩm khác, nếu được dùng để chống lại tình trạng được chẩn đoán, tất nhiên cũng nên được dùng trong thời gian người ta cố gắng giữ lời thề của Sojong.
5. Lưu ý rằng có ít nhất hai lần trao truyền minh chú Sakyamuni-Buddha Mantra; minh chú được đưa ra ở đây phù hợp với các quy ước tiếng Phạn dịch theo nghĩa đen là: "Om, Hỡi hiền nhân, Hỡi hiền nhân, cho Đại hiền triết, Svāhā". Cách diễn đạt ít tiêu chuẩn hơn về mặt ngữ pháp là "Om Muni Muni mahā-muniye svāhā". "Tad yathā", nghĩa là "Như sau:" không phải là một phần của câu thần chú thích hợp.
6. Marcia Parrish, phát biểu cho tất cả học sinh, đã yêu cầu H.E. Chöden Rinpoché soạn lời cầu nguyện trường thọ này. H.E.. Chöden Rinpoché đã soạn lời cầu nguyện này vào ngày tốt lành của Sakadawa, vào ngày 15 tháng 4 năm 2014, tại trung tâm nhập thất AV Kim Cang Tỉnh Giác, ở San Jose, Hoa Kỳ.
7. BÁT NHÃ TÂM KINH: Do Geshe Tenzin Yangchen Tỳ Kheo Ni Thích Nữ Nhật Hạnh dịch, trích Sách Cầu Nguyện "Pháp Hội Thánh Đức Đạt Lai Lạt Ma thứ 14, Pháp hội Việt Nam 2015"

Thánh Phật Mẫu Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh

Kính lễ chư Phật, Bồ Tát.

Tôi nghe như vậy, / một thời Đức Thế Tôn ở tại núi Linh Thứu, / nơi thành Vương Xá / cùng với chúng đại Tỳ kheo và chúng đại Bồ Tát đồng câu hội.

Lúc bấy giờ, / Đức Thế Tôn nhập chánh định thâm thâm quang minh tuyên thuyết chánh pháp. / Cũng ngay khi ấy, Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát hành thâm thâm bát nhã ba la mật đa, / quán thấy năm uẩn tự tánh cũng đều là không.

Nương nơi oai thần Phật, / tôn giả Xá Lợi Phất thưa hỏi Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: / "Nếu có thiện nam tử nào / muốn hành thâm thâm bát nhã ba la mật đa thì nên tu học như thế nào?"

Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát đáp lời tôn giả Xá Lợi Phất rằng: / "Xá Lợi Phất, / nếu có thiện nam tử hoặc thiện nữ nhân nào / muốn hành thâm thâm bát nhã ba la mật đa / nên quán sát chân chánh hành tướng tự tánh năm uẩn cũng đều là không. / Sắc tức là không, / không tức là sắc, sắc chẳng khác không, / không chẳng khác sắc. / Tương tự thọ, tưởng, hành, thức, v.v... đều là không.

Xá Lợi Phất, / tất cả pháp là không, / không tướng, / không sanh, / không diệt, / không nhóm, / không sạch, / không thêm, / không bớt.

Xá Lợi Phất, / cho nên trong không / không có sắc, / không thọ, / không tưởng, / không hành, / không thức, / không mắt, không tai, / không mũi, / không lưỡi, / không thân, / không ý; / không sắc, / không thanh, / không hương, / không vị, không xúc, / không pháp, / không có nhãn giới, / không ý giới, / cho đến cũng không có ý thức giới. / Không có vô minh, / không có hết vô minh, / không có già chết cho đến cũng không có hết già chết. / Tương tự, / không khổ, tập, diệt, đạo, / không trí, không đắc, cũng không có không sở đắc. / Xá Lợi Phất, / vì không sở đắc nên chư Bồ Tát an trú trong bát nhã ba la mật đa / tâm không ngăn ngại, không sợ hãi, / xa lìa huyễn điên đảo mộng tưởng, / đạt đến cứu cánh Niết Bàn. / Chư Phật trong ba đời đều nương theo bát nhã ba la mật đa / mà được đạo quả vô thượng chánh đẳng chánh giác. / Do vậy nên biết bát nhã ba la mật đa là đại thần chú, / là thần chú cực sáng, / thần chú tối thượng, thần chú bất đồng bậc mà đồng bậc, / thần chú bạt trừ hết thảy khổ não, / chân thật không hư dối. / Ngài tuyên nói chú bát nhã ba la mật đa rằng:

TAYATHA, / GATE, GATE, / PARAGATE, / PARASAM- GATE, / BODHI SVAHA.

Xá Lợi Phất! / Vị Bồ Tát Ma Ha Tát nên học thâm thâm bát nhã ba la mật đa như thế.

Bấy giờ, / Đức Thế Tôn xuất định, / tán thán Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát rằng: / "Lành thay! / Lành thay! Này thiện nam tử, / đúng thật như thế. / Thiện nam tử, đúng thật như thế. / Các ông nên hành sâu bát nhã ba la mật đa như lời ông thuyết / khiến chư Phật cũng đều tùy hỷ."

Thế Tôn dạy thế xong, / tôn giả Xá Lợi Phất và Thánh Quán Tự Tại Bồ Tát Ma Ha Tát / cùng tất cả chúng hội Thiên, Nhân, / Phi Nhân, / Càn Thát Bà, v.v... / thấy đều hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

<sup>1</sup>The meaning of this offering mantra is: “Oh Jewel amongst Gurus, I issue forth this *maṇḍala*”.

<sup>2</sup>The Buddha is likened to a *horse* that is *divine* inasmuch as that it carries its rider to a destination beyond suffering; the horse is *sagacious* since it is able to carry its rider to that destination on its own accord, without needing any guidance from the side of the rider. As for the simile of an *elephant*, it is a *great* ‘mount’ or ‘vehicle’ since, infused by the great compassion of a fully enlightened Buddha, it can carry the burden of striving for the benefit of all sentient beings in a manner that no ordinary ‘elephant’—such as the *śrāvakas* and *pratyekaBuddhas*—can.

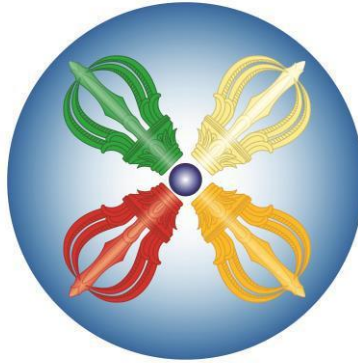
<sup>3</sup>According to the two-fold scheme dividing the *kāyas* into form-body and *dharmakāya*, the form-body comprises the gross form body (*nirmāṇakāya*) and the subtle form body (*sambhogakāya*).

<sup>4</sup>It goes without saying that prescribed medicine containing alcohol or other substances, if administered to counter a diagnosed condition, should of course be taken also during the period one strives to keep the Sojong-vows.

<sup>5</sup>Note that there are at least two transmissions of the Śākyamuni-Buddha Mantra; the one given here accords to Sanskrit grammatical conventions that literally translate as: “*Oṃ, O Sage, O Sage, to the Great Sage, Svāhā*”. The grammatically less standardized rendition is “*Oṃ Muni Muni mahā-muniye svāhā*”. “*Tad yathā*”, meaning “As follows:” does not form part of the mantra proper.

<sup>6</sup>Marcia Parrish, speaking for all students, requested H.E. Chöden Rinpoché to compose this long life prayer. H.E. Chöden Rinpoché composed this prayer on the auspicious day of Sakadawa, on April 15, 2014, at the AV retreat center, in San Jose, USA.

*Chủ thích Việt dịch: Kính bạch Chư Tôn Đức Tăng Ni và quý Học viên,  
Xin quý vị hoan hỷ đóng góp sự hiểu biết của quý vị để bản dịch thảo được tốt hơn. Chúng con là đồng học viên thiện nguyện ở nhiều quốc gia, cố gắng dịch sang tiếng Việt để cúng dường lên các guru của dòng truyền thừa. Chúng con sám hối và xin chư Phật truyền tâm trọn pháp trực tiếp cho người đọc. Chúng con chỉ dịch để những học viên muốn đọc tiếng Việt tiện có tài liệu để dễ học và hành trì. Om Vajrasattva Hum. Mọi lỗi lầm sơ sót là lỗi của người dịch gởi Sách Thực Hành này ra 23.5.2021  
email: kimcuongviet@yahoo.com*



Awakening Vajra International  
3888 Balcom Road  
San Jose, CA 95418

[awakeningvajrainternational.org](http://awakeningvajrainternational.org)

[info@awakeningvajrainternational.org](mailto:info@awakeningvajrainternational.org)